



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 22 + 23

Ngày 30 tháng 09 năm 2022

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HĐND TỈNH

31/08/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 39/2022/NQ-HĐND quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập; mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tại các trường tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập và học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh	3
31/08/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 41/2022/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2026	6
31/08/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 42/2022/NQ-HĐND quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Sơn La	13

UBND TỈNH

18/08/2022	Quyết định của UBND tỉnh số 21/2022/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La	17
30/08/2022	Quyết định của UBND tỉnh số 22/2022/QĐ-UBND ban hành quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Sơn La	33

31/08/2022	Quyết định của UBND tỉnh số 23/2022/QĐ-UBND quyết định về việc phân cấp thực hiện thỏa thuận xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính và chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh	47
06/09/2022	Quyết định của UBND tỉnh số 24/2022/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh về quy định mức hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La	51
08/09/2022	Quyết định của UBND tỉnh số 25/2022/QĐ-UBND về việc sửa đổi Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La	53

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

31/08/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 123/NQ-HĐND về việc điều chỉnh danh mục dự án kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh về phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia	57
------------	---	----

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2022/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập;
mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tại các trường tư thục
ở địa bàn không đủ trường công lập và học sinh tiểu học tư thục thuộc
đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định
năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính
phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống
giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và
giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 315/BC-VHXX ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Ban Văn hóa -
Xã hội HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập; mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tại các trường tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập và học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập và học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định trên địa bàn tỉnh Sơn La.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, các cơ sở giáo dục và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Mức học phí năm học 2022 - 2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh

a) Mức học phí học trực tiếp đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh:

STT	Cấp học	Đơn vị tính	Khu vực và mức học phí			
			Phường, thị trấn	Xã khu vực I	Xã khu vực II	Xã khu vực III
1	Giáo dục mầm non	Đồng/tháng/ học sinh	70.000	60.000	55.000	50.000
2	Giáo dục THCS	Đồng/tháng/ học sinh	85.000	65.000	60.000	50.000
3	Giáo dục THPT	Đồng/tháng/ học sinh	135.000	115.000	105.000	100.000

b) Mức học phí học trực tuyến (*học online*) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh:

STT	Cấp học	Đơn vị tính	Khu vực và mức học phí			
			Phường, thị trấn	Xã khu vực I	Xã khu vực II	Xã khu vực III
1	Giáo dục mầm non	Đồng/tháng/ học sinh	45.000	40.000	35.000	30.000
2	Giáo dục THCS	Đồng/tháng/ học sinh	50.000	45.000	40.000	30.000
3	Giáo dục THPT	Đồng/tháng/ học sinh	80.000	70.000	65.000	60.000

- Xã khu vực I, II, III theo danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

- Mức thu học phí đối với từng học sinh căn cứ theo hộ khẩu thường trú của học sinh.

3. Hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tại các trường tư thục

a) Tiêu chí xác định các địa bàn không đủ trường công lập

- Mạng lưới trường tiểu học công lập: Không đảm bảo có ít nhất 65 chỗ học cho 1.000 dân.

- Định mức học sinh/lớp: Quy mô học sinh trên lớp vượt quá 5% so với định mức học sinh trên lớp theo quy định. Định mức học sinh tiểu học trên lớp tối đa 35 học sinh/lớp.

b) Mức hỗ trợ tiền đóng học phí: 50.000 đồng/tháng/học sinh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề lần thứ tám thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 09 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, NLinh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2022/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch
trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Xét Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 24 tháng 08 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 315/BC-VHXX ngày 29 tháng 8 năm 2022. của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022 - 2026, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ đối với hoạt động đầu tư khai thác, kinh doanh trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2026.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia các hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La

b) Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch tỉnh Sơn La theo quy định tại Nghị quyết này.

c) Chính sách này không áp dụng đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch đang trong tình trạng: phá sản, tạm ngừng hoạt động, mất khả năng chi trả, có đơn thư khiếu nại, tố cáo; đang trong quá trình giải thể, vi phạm pháp luật, bị cơ quan chức năng điều tra, truy tố.

3. Nguyên tắc áp dụng

a) Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung chính sách, đối tượng hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện;

b) Trong cùng một thời điểm nếu có nhiều chính sách ưu đãi và hỗ trợ từ nhà nước với cùng nội dung và đối tượng hỗ trợ, thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất từ kinh phí ngân sách nhà nước;

c) Trường hợp một Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân thực hiện đầu tư nhiều nội dung khác nhau của chính sách khuyến khích phát triển du lịch thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung (nếu đủ điều kiện).

d) Trường hợp có nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân cùng đề nghị hỗ trợ trong cùng thời điểm, cùng năm nhưng ngân sách nhà nước không thể đảm bảo thì ưu tiên lựa chọn theo thứ tự: khu du lịch, điểm du lịch, cộng đồng dân cư có tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch thuộc diện cần ưu tiên đầu tư liên quan đến việc hoàn thiện tiêu chí khu du lịch quốc gia và khu du lịch cấp tỉnh; thuộc đối tượng nằm trong danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư; tính khả thi và hiệu quả, khả năng kết nối để phát triển du lịch tốt hơn sẽ được ưu tiên hỗ trợ trước.

4. Nội dung chính sách, điều kiện, mức hỗ trợ (có 01 Phụ lục kèm theo).

5. Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương đảm bảo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ tám thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Bộ VHTTDL, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu của UBNDQH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Linh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục

**MỘT SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2022 - 2026**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh)

I. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH

1. Điều kiện hỗ trợ

1.1. Khu du lịch, điểm du lịch theo quy định của Luật Du lịch, được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận.

1.2. Cộng đồng dân cư tại các thôn, xóm, bản, tiểu khu, tổ dân phố (sau đây gọi chung là bản) có tài nguyên, tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch cộng đồng đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án phát triển du lịch của tỉnh *(chỉ áp dụng đối với phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc)*.

1.3. Tổ chức, cá nhân có sáng kiến, sáng tạo phát triển loại hình, sản phẩm du lịch được áp dụng hiệu quả trong thực tế, được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

2. Hình thức hỗ trợ: hỗ trợ trực tiếp.

3. Nội dung, mức hỗ trợ

3.1. Hỗ trợ khu, điểm du lịch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, tôn tạo cảnh quan, đảm bảo môi trường, phát triển sản phẩm du lịch, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ... nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch. Mức hỗ trợ: 300.000.000 đồng/khu du lịch; 200.000.000 đồng/điểm du lịch.

3.2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc:

- Hỗ trợ khu du lịch, điểm du lịch, cộng đồng dân cư tại các bản có tiềm năng phát triển du lịch xây dựng chương trình biểu diễn nghệ thuật dân gian *(dân ca, dân vũ, dân nhạc)* phục vụ khách du lịch thường xuyên tại điểm. Mức hỗ trợ: 70.000.000 đồng/khu, điểm, bản;

- Hỗ trợ khu du lịch, điểm du lịch, cộng đồng dân cư tại các bản có tiềm năng phát triển du lịch xây dựng trích đoạn lễ hội truyền thống dân tộc phục vụ khách du lịch thường xuyên tại điểm. Mức hỗ trợ: 90.000.000 đồng/khu, điểm, bản;

- Hỗ trợ khu du lịch, điểm du lịch, cộng đồng dân cư tại các bản có tiềm năng phát triển du lịch khôi phục, phát triển nghề truyền thống phục vụ phát triển du lịch. Mức hỗ trợ: 90.000.000 đồng/khu, điểm, bản;

3.3. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có sáng kiến, sáng tạo phát triển loại hình, sản phẩm du lịch mới, khác biệt, độc đáo, hấp dẫn. Mức hỗ trợ: 90.000.000 đồng/sáng kiến.

II. CHÍNH SÁCH XÚC TIẾN QUẢNG BÁ DU LỊCH

1. Điều kiện

1.1. Đối với các cuộc thi

Tổ chức, cá nhân tham gia các cuộc thi do cơ quan nhà nước tổ chức, có quyết định, hoặc chứng nhận trao giải cuộc thi.

1.2. Đối với giải thưởng bình chọn công nhận thương hiệu du lịch

Khu du lịch, điểm du lịch đã được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận; cộng đồng dân cư tại các bản có tiềm năng phát triển du lịch; cơ sở lưu trú đã được xếp hạng theo quy định; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch đã được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; doanh nghiệp lữ hành đã được cấp phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

1.3. Đối với hỗ trợ tham gia các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch

Tổ chức, cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch được mời tham gia quảng bá, xúc tiến, giới thiệu sản phẩm du lịch theo kế hoạch của UBND tỉnh, các sở, ngành, đơn vị của tỉnh, UBND huyện, thành phố trong tỉnh.

1.4. Đối với hỗ trợ tổ chức/tham gia đoàn FAM Trip

Tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức/tham gia đoàn FAM Trip đảm bảo điều kiện theo quy định của Luật Du lịch và được UBND tỉnh nhất trí chủ trương cho tổ chức/tham gia.

2. Hình thức hỗ trợ: hỗ trợ trực tiếp.

3. Nội dung, mức chi, hỗ trợ *(không áp dụng mức chi, hỗ trợ này đối với nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước)*:

3.1. Đối với các hoạt động xây dựng, phát triển, truyền thông thương hiệu du lịch Sơn La thông qua các cuộc thi về du lịch:

- Các cuộc thi có tính chất nghiệp vụ, được tổ chức thường xuyên:

+ Các cuộc thi cấp tỉnh: Giải Nhất/giải A: 7.000.000 đồng/giải; Giải Nhì/giải B: 5.000.000 đồng/giải; Giải Ba/giải C: 3.000.000 đồng/giải, giải khuyến khích 2.000.000 đồng/giải.

+ Các cuộc thi cấp huyện: Giải Nhất/giải A: 5.000.000 đồng/giải; Giải Nhì/giải B: 3.000.000 đồng/giải; Giải Ba/giải C: 2.000.000 đồng/giải; Giải Khuyến khích: 1.000.000 đồng/giải.

+ Các cuộc thi sáng tạo không thường xuyên (*cuộc thi sáng tác bộ nhận diện thương hiệu du lịch; cuộc thi logo, slogan, video clip, quảng bá du lịch và các cuộc thi ý tưởng sáng tạo lĩnh vực du lịch...*): Giải Nhất: 20.000.000 đồng/giải; Giải Nhì: 15.000.000 đồng/giải; Giải Ba: 10.000.000 đồng/giải; Giải Khuyến khích: 5.000.000 đồng/giải.

3.2. Giải thưởng bình chọn công nhận thương hiệu, chất lượng trong tỉnh, định kỳ 01 lần/năm đối với khu du lịch, điểm du lịch, cộng đồng dân cư tại các bản có tiềm năng phát triển du lịch tiêu biểu của năm; sản phẩm du lịch tiêu biểu năm; cơ sở lưu trú du lịch; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác; doanh nghiệp lữ hành có chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch tốt nhất năm. Giải tập thể 20.000.000 đồng/giải; giải cá nhân 10.000.000 đồng/giải.

3.3. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân chuẩn bị gian hàng, sản phẩm du lịch, ấn phẩm, phương tiện, thiết bị, phần mềm truyền thông quảng bá du lịch... được tỉnh/huyện mời làm đại diện tham gia chương trình quảng bá, xúc tiến, giới thiệu sản phẩm du lịch trong và ngoài tỉnh. Mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/đơn vị/lần tham gia.

3.4. Hỗ trợ kinh phí lưu trú, phương tiện đi lại cho tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp lữ hành tổ chức đoàn FAM Trip khảo sát, đánh giá sản phẩm điểm đến, hình thành tour du lịch mới trên địa bàn tỉnh Sơn La. Mức hỗ trợ: Áp dụng theo chế độ công tác phí hiện hành.

III. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1. Điều kiện hỗ trợ

1.1. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức về du lịch tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch được cơ quan quản lý nhà nước về du lịch cấp tỉnh phê duyệt.

1.2. Hỗ trợ học viên (*là người lao động trực tiếp hoặc gián tiếp trong lĩnh vực du lịch*) có hộ khẩu thường trú, hoặc tạm trú trên địa bàn tỉnh Sơn La tham gia khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về du lịch được cấp có thẩm quyền cấp chứng nhận/chứng chỉ.

2. Hình thức hỗ trợ: hỗ trợ trực tiếp

3. Nội dung, mức hỗ trợ

3.1. Hỗ trợ người tham gia khóa đào tạo nghề đến 03 tháng: 4.500.000 đồng/người/khóa đào tạo.

3.2. Hỗ trợ người tham gia khóa đào tạo nghề trên 03 tháng: 1.500.000 đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ không quá 06 tháng.

3.3. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức về du lịch một phần kinh phí tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về du lịch: 50.000.000 đồng/lớp khi đảm bảo số lượng từ 30 đến 50 học viên/lớp.

IV. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

1. Điều kiện hỗ trợ

1.1. Cộng đồng dân cư tại bản có trong quy hoạch, kế hoạch, hoặc đề án phát triển du lịch của tỉnh, huyện.

1.2. Hộ gia đình tại các bản có trong quy hoạch, kế hoạch, hoặc đề án phát triển du lịch, có đăng ký và cam kết cung cấp dịch vụ du lịch, du lịch cộng đồng, được Ban Quản lý bản đề nghị, được UBND cấp xã xác nhận hoặc công nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ du lịch cộng đồng và UBND cấp huyện phê duyệt danh sách.

2. Hình thức hỗ trợ: hỗ trợ trực tiếp

3. Nội dung và mức hỗ trợ

3.1. Hỗ trợ cộng đồng dân cư tại bản có tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch cộng đồng, đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án phát triển du lịch đề đầu tư hạ tầng, tôn tạo cảnh quan không gian, đảm bảo vệ sinh môi trường, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống *(không bao gồm các nội dung về phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc đã được quy định trong Nghị quyết này)*, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phục vụ khách du lịch, xúc tiến sản phẩm du lịch cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ theo quy hoạch, kế hoạch, đề án đã được phê duyệt. Mức hỗ trợ: 01 tỷ/năm; hỗ trợ trong thời gian 36 tháng.

3.2. Hỗ trợ 01 lần đối với các hộ gia đình đầu tư, nâng cấp, cải tạo nhà ở truyền thống, đầu tư trang thiết bị cần thiết ban đầu phục vụ khách du lịch. Mức hỗ trợ 50.000.000 đồng/hộ.

3.3. Hỗ trợ lãi suất tiền vay để các hộ gia đình vay vốn đầu tư phát triển du lịch cộng đồng

Mức hỗ trợ bằng mức chênh lệch lãi suất giữa lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng với lãi suất cho vay đối với chương trình cho vay hộ nghèo của ngân hàng chính sách xã hội. Tối đa 30.000.000 đồng/hộ trong thời gian không quá 36 tháng.

3.4. Hỗ trợ đầu tư lắp đặt và kinh phí sử dụng wifi tại bản có cộng đồng dân cư hoạt động du lịch cộng đồng: Mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/bản/năm; thời gian hỗ trợ 36 tháng.

3.5. Hỗ trợ cộng đồng dân cư tại bản có tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch cộng đồng tổ chức đoàn đi học tập kinh nghiệm phát triển du lịch cộng đồng tại các mô hình du lịch cộng đồng trong và ngoài tỉnh. Số lượng đoàn 15 người, thời gian học tập kinh nghiệm không quá 07 ngày. Mức hỗ trợ: Áp dụng theo chế độ công tác phí hiện hành./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2022/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể,
cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BYT ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

Xét Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 315/BC-VHXXH ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Tập thể: Thôn, xóm, bản, tiểu khu, tổ dân phố (gọi chung là bản); xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) thực hiện tốt công tác dân số;

2.2. Cá nhân: là công dân Việt Nam cư trú trên địa bàn tỉnh Sơn La thực hiện tốt công tác dân số.

Điều 2. Chính sách khen thưởng, hỗ trợ

1. Chính sách khen thưởng, hỗ trợ nhằm giảm mức sinh

a) Đối với xã

- Xã đạt 01 năm không có người sinh con thứ 03 trở lên (*trừ trường hợp sinh con thứ 03 quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số*) được Chủ tịch UBND cấp huyện tặng Giấy khen; ngoài tiền thưởng kèm theo Giấy khen theo quy định của pháp luật về thi đua - khen thưởng, được hỗ trợ 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

- Xã đạt 03 năm liên tục không có người sinh con thứ 03 trở lên (*trừ trường hợp sinh con thứ 03 quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP*) được Chủ tịch UBND cấp huyện tặng Giấy khen; ngoài tiền thưởng kèm theo Giấy khen theo quy định của pháp luật về thi đua - khen thưởng, được hỗ trợ 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

- Xã đạt 05 năm liên tục không có người sinh con thứ 03 trở lên (*trừ trường hợp sinh con thứ 03 quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP*) được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen; ngoài tiền thưởng kèm theo Bằng khen theo quy định của pháp luật về thi đua - khen thưởng, được hỗ trợ 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

b) Đối với bản

- Bản khó khăn và đặc biệt khó khăn đạt 01 năm không có người sinh con thứ 03 trở lên (*trừ trường hợp sinh con thứ 03 quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP*) được hỗ trợ 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

- Bản đạt 03 năm liên tục không có người sinh con thứ 03 trở lên (*trừ trường hợp sinh con thứ 03 quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP*) được Chủ tịch UBND cấp xã tặng Giấy khen; ngoài tiền thưởng kèm theo Giấy khen theo quy định của pháp luật về thi đua - khen thưởng, được hỗ trợ 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

- Bản đạt 05 năm liên tục không có người sinh con thứ 03 trở lên (*trừ trường hợp sinh con thứ 03 quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP*) được Chủ tịch UBND cấp huyện tặng Giấy khen; ngoài tiền thưởng kèm theo Giấy khen theo

quy định của pháp luật về thi đua - khen thưởng được hỗ trợ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

c) Cá nhân

- Hỗ trợ một lần 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đối với phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã có đủ 02 (hai) con và tự nguyện thực hiện triệt sản.

- Hỗ trợ một lần 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đối với phụ nữ thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo đã có đủ 02 (hai) con và tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai đặt dụng cụ tử cung hoặc cấy thuốc tránh thai.

- Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế bản thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm về vận động phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã sinh đủ 02 (hai) con, tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn (triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, cấy thuốc tránh thai) được hỗ trợ 30.000 đồng/1 đối tượng (Ba mươi nghìn đồng).

2. Chính sách khen thưởng, hỗ trợ kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh

Xã thực hiện đạt 100% bản đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước được Chủ tịch UBND cấp huyện tặng Giấy khen; ngoài tiền thưởng kèm theo Giấy khen theo quy định của pháp luật về thi đua - khen thưởng, được hỗ trợ một lần 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

3. Chính sách hỗ trợ góp phần nâng cao chất lượng dân số

a) Chính sách tầm soát trước sinh và tầm soát sơ sinh

- Hỗ trợ một lần đối với phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội thuộc vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn thực hiện tầm soát trước sinh (sàng lọc trước sinh) bệnh Thalassemia (tan máu bẩm sinh) bằng kỹ thuật xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu ngoại vi, mức hỗ trợ theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành.

- Hỗ trợ một lần đối với trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội thuộc vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn thực hiện tầm soát sơ sinh: bệnh thiếu men G6PD và bệnh suy giáp bẩm sinh bằng xét nghiệm máu; khiếm thính bẩm sinh bằng kỹ thuật đo âm ốc tai, mức hỗ trợ theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành.

b) Chính sách chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Xã thực hiện đạt các chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi như: 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế; 100% người cao tuổi có hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ (ít nhất một lần/năm) được Chủ tịch UBND cấp huyện tặng Giấy khen; ngoài tiền thưởng kèm theo Giấy khen theo quy định của pháp luật về thi đua - khen thưởng, được hỗ trợ một lần 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

c) Chính sách khen thưởng đối với các nhân

Cộng tác viên dân số thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm về vận động đối tượng tham gia thực hiện tầm soát trước sinh, tầm soát sơ sinh, theo dõi chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng được UBND cấp xã tặng giấy khen; ngoài tiền thưởng kèm theo Giấy khen theo quy định của pháp luật về thi đua - khen thưởng, được hỗ trợ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Điều 3. Nguồn kinh phí

Ngân sách địa phương và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp chuyên đề lần thứ tám thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, Y tế; Cục Kiểm tra Văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu của UBTƯQH;
- Bộ Y tế, Tổng cục DS-KHHGĐ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh; TT HĐND, UBND; Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy; HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, NLinh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 18 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Tờ trình số 116/TTr-SCT ngày 02 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 8 năm 2022 và thay thế Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh Sơn La, Cục thuế tỉnh Sơn La; Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c);
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban mặt trận TQVN tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Biên. 50b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về một số nội dung về công tác quản lý, phát triển CCN trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Các nội dung khác không nêu tại Quy chế này thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành ở tỉnh; Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương; chủ đầu tư các dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp; các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp (CCN) và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức quản lý

1. Nguyên tắc quản lý

a) Việc phối hợp quản lý nhà nước đối với CCN thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền; đảm bảo sự thống nhất, chặt chẽ, không chồng chéo nhiệm vụ, không làm giảm vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức; nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về cụm công nghiệp, giải quyết nhanh, hiệu quả các thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

b) Sở Công thương là cơ quan đầu mối quản lý Nhà nước về CCN trên địa bàn tỉnh.

c) Mọi việc, mỗi thủ tục sẽ do một cơ quan chủ trì thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quy định và một hoặc nhiều cơ quan khác phối hợp giải quyết.

2. Phương thức quản lý

a) Đối với cơ quan chủ trì:

- Tổ chức họp với các cơ quan phối hợp để lấy ý kiến tham gia hoặc tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan phối hợp bằng văn bản; cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến trả lời bằng văn bản theo đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về những nội dung góp ý.

- Sau khi triển khai lấy ý kiến, hướng dẫn, xử lý kiến nghị liên quan đến cụm công nghiệp, cơ quan chủ trì gửi cho Sở Công thương 01 (một) bản để tổng hợp thông tin và phối hợp thực hiện.

- Tổ chức đoàn khảo sát, điều tra các hoạt động liên quan đến dự án đầu tư, phát triển cụm công nghiệp.

- Cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp.

b) Đối với cơ quan phối hợp:

- Có trách nhiệm tham gia góp ý tại cuộc họp và chịu trách nhiệm về ý kiến góp ý của mình. Trường hợp không thể tham dự cuộc họp, cơ quan phối hợp gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan chủ trì. Nếu cơ quan phối hợp không gửi ý kiến thì được xem như thống nhất và chấp hành nội dung kết luận của cuộc họp.

- Khi được lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định. Nếu quá thời hạn trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm xử lý nội dung công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Các hồ sơ thủ tục liên quan đến cụm công nghiệp, sau khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt; đơn vị tham mưu, thực hiện có trách nhiệm gửi Sở Công thương 01 (một) bộ để phối hợp, theo dõi.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CCN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Sở Công thương

a) Chủ trì tham mưu xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách về quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách và các quy định liên quan đến quản lý, phát triển cụm công nghiệp

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì tham mưu trình cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp

trên địa bàn; hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp vào cụm công nghiệp. Tham mưu cân đối nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách.

3. Sở Tài chính

a) Là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan thẩm định phương án giá đất cụ thể theo quy định.

b) Chủ trì tham mưu cân đối ngân sách tỉnh nguồn kinh phí sự nghiệp để hỗ trợ hoạt động quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

c) Hướng dẫn các chủ đầu tư trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp.

d) Tổ chức thực hiện thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp sử dụng nguồn vốn nhà nước; tổ chức thanh tra, kiểm tra, quyết toán vốn hằng năm đúng quy định hiện hành.

e) Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị thực hiện các nội dung có liên quan đến hoạt động quản lý, phát triển cụm công nghiệp theo chức năng quản lý của ngành.

4. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Công thương trong xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách và các quy định liên quan đến quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Điều 5. Xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Cơ sở, nội dung, hồ sơ, trình tự xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo Điều 5, Điều 6 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp

a) UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm rà soát, dự báo nhu cầu và đề xuất quy hoạch cụm công nghiệp trên địa bàn gửi Sở Công thương.

b) Sở Công thương chủ trì tham mưu tổng hợp chung nhu cầu phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 báo cáo UBND tỉnh.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng đơn vị tư vấn lập quy hoạch chung của tỉnh phối hợp với Sở Công thương, UBND các huyện, thành phố lập Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến 2030 tầm nhìn đến năm 2050, tích hợp vào quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với quy hoạch tỉnh (trong đó có phương án phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của pháp luật quy hoạch để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp xây dựng phương án phát triển CCN trên địa bàn.

đ) Sở Công thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu triển khai thực hiện Phương án phát triển cụm công nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Cơ sở, nội dung, trình tự xây dựng, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển CCN vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7, Điều 1 của Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) UBND cấp huyện chủ trì đề xuất điều chỉnh phương án phát triển CCN trên địa bàn gửi Sở Công thương.

b) Sở Công thương chủ trì, phối hợp các sở ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan tổng hợp, xây dựng báo cáo điều chỉnh phương án phát triển CCN trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư xử lý, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển CCN trên địa bàn vào Quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với điều chỉnh quy hoạch tỉnh (trong đó có điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của Luật Quy hoạch để hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp tham gia đóng góp ý kiến vào báo cáo điều chỉnh phương án phát triển CCN trên địa bàn.

3. Đối với các thay đổi nhỏ, thường xuyên về CCN thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

Điều 7. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện thành lập CCN thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 10, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 8, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Điều kiện mở rộng CCN thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

3. Hồ sơ, trình tự thành lập, mở rộng CCN thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2, Điều 2, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

4. Đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và địa bàn không có khả năng thu hút doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, căn cứ nhu cầu đầu tư cụm công nghiệp để di dời, thu hút đầu tư các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, Ủy ban nhân dân

cấp huyện đề xuất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp từ nguồn vốn Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác, đề xuất đơn vị chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, hồ sơ đề xuất gửi Sở Công thương tham mưu đề xuất.

5. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) UBND cấp huyện: chủ trì, phối hợp với các đơn vị đăng ký làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật lập hồ sơ thành lập, mở rộng CCN theo quy định tại Điều 10; Điều 11; Khoản 1, Khoản 2, Điều 12, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Khoản 8, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP gửi Sở Công Thương.

b) Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập, mở rộng CCN theo quy định tại Khoản 3, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ; tổ chức thẩm định theo quy định tại Khoản 4, Điều 4, Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

c) Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, UBND cấp huyện tham mưu đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho 01 đơn vị làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN có sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

d) Các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp trong việc thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng CCN, quyết định chủ trương đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo chức năng quản lý ngành.

Điều 8. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp

1. Quy hoạch chi tiết xây dựng làm căn cứ lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng (hoặc quy hoạch chi tiết điều chỉnh) CCN thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Điều 5, Thông tư số 28/2020/TT-BCT và quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp được quy định tại Điều 32, Điều 34 Luật Xây dựng 2014; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Chủ đầu tư được giao thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công

nghiệp, trình UBND cấp huyện thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.

b) UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn; phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trong phạm vi ranh giới hành chính do mình quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

c) Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành liên quan căn cứ chức năng, quản lý của ngành có trách nhiệm tham gia ý kiến với UBND huyện về quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc từ nguồn vốn hợp pháp khác.

đ) Các sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm phối hợp trong việc thẩm định hồ sơ quy hoạch chi tiết CCN theo chức năng quản lý ngành.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo Điều 18, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

a) Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp được thiết kế đồng thời, đồng bộ trong một dự án đầu tư để tiết kiệm chi phí, tiết kiệm sử dụng đất và thuận tiện cho việc xây dựng, sửa chữa, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật.

b) Nội dung, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng (Quy định tại Điều 9, 10, 12, 18, 20, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng).

c) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư, mở rộng cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

d) Đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật do nhà nước đầu tư hoặc sử dụng một phần vốn nhà nước thì thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công năm 2019.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp:

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chịu trách nhiệm lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; đồng thời lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Sở Xây dựng chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

c) Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và gửi 1 bản dự án đã phê duyệt về Sở Công thương.

d) Đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật do nhà nước đầu tư hoặc sử dụng một phần vốn nhà nước thì thực hiện theo luật đầu tư công, cụ thể:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu thẩm định trình UBND tỉnh xem xét trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; chủ trì tham mưu cân đối nguồn vốn cấp tỉnh quản lý để đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

- Trên cơ sở nhu cầu thực tế về đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và khả năng cân đối nguồn vốn, Chủ đầu tư lựa chọn các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật ưu tiên đầu tư trong cụm công nghiệp, đảm bảo phù hợp với dự án, quy hoạch chi tiết và thuận tiện cho việc xây dựng, sửa chữa, vận hành, báo cáo UBND cấp huyện, trình UBND tỉnh qua Sở Kế hoạch và Đầu tư.

đ) Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị có liên quan thẩm định dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trình UBND tỉnh quyết định theo quy định.

e) Chủ đầu tư báo cáo cơ quan thống kê trên địa bàn về tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của Luật Thống kê; đồng thời gửi Sở Công Thương 1 bản. Nội dung báo cáo gồm: Tiến độ đầu tư hạ tầng, vốn thực hiện, kết quả đầu tư của dự án, kết quả thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp, nộp ngân sách, kết quả thụ hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước, lao động, bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (Nhà đầu tư sơ cấp) phải thực hiện đánh giá tác động môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, dự án phải được cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cấp giấy phép môi trường theo quy định. Trong quá trình hoạt động phải thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung quy định trong giấy phép môi trường.

2. Dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp (nhà đầu tư thứ cấp), tùy thuộc vào tiêu chí về môi trường và phân loại dự án đầu tư để thực hiện đánh giá tác động môi trường, có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường (*hoặc miễn đăng ký môi trường*) theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Nội dung, trình tự thủ tục lập, phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (nhà đầu tư sơ cấp) và Chủ dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp (nhà đầu tư thứ cấp) lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; Tổ chức thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường theo thẩm quyền.

b) Cơ quan phối hợp:

- UBND cấp huyện: Hướng dẫn Chủ dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp (*nhà đầu tư thứ cấp*) lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và tổ chức thẩm định cấp giấy phép môi trường theo thẩm quyền. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các dự án trong cụm công nghiệp thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường đã được cấp; Kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.

- Các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 11. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (*Nhà đầu tư sơ cấp*) và cho thuê lại đất đối với dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp (*Nhà đầu tư thứ cấp*)

1. Việc thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, các văn bản hướng dẫn hiện hành và tiến độ dự án đầu tư được phê duyệt.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

2.1. Thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp

a) Đối với Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (nhà đầu tư sơ cấp)

- Đối với chủ đầu tư là doanh nghiệp, hợp tác xã: Chủ đầu tư phối hợp với UBND cấp huyện đăng ký dự án vào danh mục công trình thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định tại Khoản 1, Điều 58, Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện. Lập các hồ sơ để UBND cấp huyện thực hiện các bước thông báo thu hồi đất, kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, lập và phê duyệt phương án bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đất đai. Thực hiện ký hợp đồng với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng; nếu tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 30, Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Đối với chủ đầu tư là đơn vị sự nghiệp công lập: Phối hợp với UBND cấp huyện đăng ký dự án vào danh mục công trình thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định tại Khoản 1 Điều 58, Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện. Lập các hồ sơ để UBND cấp huyện thực hiện các bước thông báo thu hồi đất, kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đất đai.

b) UBND cấp huyện

Tổng hợp danh mục công trình thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định tại Khoản 1 Điều 58, Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, trình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện. Thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành và Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Sơn La.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố lập phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (*đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

2.2. Cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (*Nhà đầu tư sơ cấp*)

a) Cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (*Nhà đầu tư sơ cấp*) được thực hiện theo quy định về cho thuê đất tại Khoản 2 Điều 149 Luật Đất đai năm 2013.

b) Trình tự, thủ tục cụ thể như sau:

- Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp nộp hồ sơ thuê đất tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cho chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thuê đất (*là doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị sự nghiệp công lập do UBND tỉnh giao*).

c) UBND tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cho chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thuê đất đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là đơn vị sự nghiệp do UBND tỉnh giao (*đầu tư công*): các sở, ngành, UBND cấp huyện thẩm định dự án đầu tư và nhu cầu sử dụng đất để đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

2.3. Cho thuê đất đối với dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp (*Nhà đầu tư thứ cấp*)

a) Chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (*là doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị sự nghiệp do UBND tỉnh giao*) tiếp nhận hồ sơ của các tổ chức kinh tế, cá nhân, xin ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành liên quan về điều kiện cho thuê lại đất, báo cáo UBND tỉnh để được chấp thuận và ký hợp đồng cho thuê lại đất đối với các tổ chức kinh tế.

b) Sau khi hoàn thiện việc ký hợp đồng thuê đất với Chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; tổ chức, cá nhân thuê lại đất trong cụm công nghiệp gửi hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện thủ tục, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 12. Tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trong cụm công nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng.

2. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, cơ sở sản xuất có nhu cầu di dời vào cụm công nghiệp (*sau đây gọi là nhà đầu tư thứ cấp*) liên hệ với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để được hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề, giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp và thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê theo Điều 22, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

3. Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp (*Doanh nghiệp, tổ chức hoặc UBND cấp huyện*) có trách nhiệm thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê với nhà đầu tư thứ cấp.

4. Nhà đầu tư thứ cấp lập dự án đầu tư (*hoặc dự án di dời*) theo quy định tại Luật đầu tư, các quy định hiện hành gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Công thương, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan thẩm định trình cấp có thẩm quyền cấp chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định.

6. Thủ tục thuê đất hoặc thuê lại đất đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện theo Khoản 2.3 Điều 11 của Quy chế này.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tiếp nhận, tổ chức thẩm định trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi

trường, cấp giấy phép môi trường của các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định.

8. UBND cấp huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc cấp giấy phép môi trường của các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

9. Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (*Công An tỉnh Sơn La*) có trách nhiệm chủ trì thẩm định, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy đối với các dự án sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

10. Khi đầu tư dự án sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp đã có quy hoạch được phê duyệt các nhà đầu tư phải thực hiện đủ trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng theo quy định pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan tùy theo nguồn vốn, hình thức, quy mô, tính chất dự án đầu tư. Nhà đầu tư thứ cấp thực hiện đầy đủ các thủ tục về phê duyệt dự án đầu tư, đầu tư xây dựng công trình (*đối với những dự án phải xin ý kiến thẩm định, chỉ định đơn vị thẩm tra của cơ quan có thẩm quyền nếu có quy định*), đất đai, môi trường và các thủ tục liên quan theo quy định hiện hành của Nhà nước trước khi triển khai thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

11. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La. Các công trình xây dựng trong cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và được thẩm định thiết kế sau thiết kế cơ sở (hoặc thiết kế cơ sở đối với dự án chỉ cần lập báo cáo kinh tế kỹ thuật) thì được miễn giấy phép xây dựng. Trong trường hợp này, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo thời điểm khởi công bằng văn bản kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, lưu hồ sơ.

12. Chủ đầu tư dự án sản xuất kinh doanh có trách nhiệm thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định tại Điều 25, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

13. Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp có trách nhiệm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục triển khai đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp; chủ trì giám sát tiến độ thực hiện dự án, việc chấp hành các cam kết thỏa thuận của chủ đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

14. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan kiểm tra, giám sát, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong cụm công nghiệp đảm bảo đúng theo quyết định chủ trương đầu tư, đăng ký đầu tư và các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ và quy định quản lý cụm công nghiệp.

Điều 13. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm có trách nhiệm cung cấp dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp theo Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp và giá dịch thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Đơn vị chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp có trách nhiệm chủ trì tham mưu xây dựng đơn giá dịch vụ công cộng, tiện ích và Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp, xin ý kiến của các tổ chức cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, các đơn vị liên quan. Đối với các cụm công nghiệp đầu tư hạ tầng cụm từ nguồn vốn nhà nước, giá các loại dịch vụ công cộng, tiện ích xác định theo Khoản 4, Điều 20, Nghị định 68/2017/NĐ-CP. Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan thẩm định phương án xác định giá dịch vụ công cộng tiện ích do Chủ đầu tư hạ tầng lập, trình UBND tỉnh quyết định.

3. UBND cấp huyện chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan trong việc giải quyết các khiếu nại, tranh chấp phát sinh trong quản lý, cung cấp, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích trong CCN theo quy định của pháp luật.

4. Các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp có trách nhiệm thỏa thuận, ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp; sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng và các dịch vụ khác đúng mục đích, có trách nhiệm bảo vệ công trình công cộng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

5. Các sở, ngành liên quan: Có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc hướng dẫn Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN xây dựng Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

1. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 26, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Công tác thông tin báo cáo: Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

3. Đối với các cụm công nghiệp đầu tư hạ tầng từ nguồn vốn nhà nước, UBND huyện chỉ đạo đơn vị là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN (*Theo Biểu số 1.2 Phụ lục I Thông tư số 28/2020/TT-BCT*), gửi Cơ quan Thống kê cấp huyện Phòng Kinh tế và Hạ tầng (*hoặc Phòng Kinh tế*), Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ngoài ra phải thực hiện báo cáo tình hình thực hiện dự án, giải ngân thanh toán vốn theo quy định của luật đầu tư công.

4. Chủ đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh, sau khi được cấp có thẩm quyền cấp chủ trương đầu tư, giấy chứng đầu tư vào cụm công nghiệp, có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tiến độ triển khai dự án đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, UBND cấp huyện, Sở Công thương. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp báo cáo chung về tình hình thực hiện các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp.

Điều 15. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Việc thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện thường xuyên không quá một lần trong một năm trừ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Khuyến khích tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành.

2. Cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra thường gửi kết quả thanh tra, kiểm tra về Sở Công thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện và chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN để phối hợp xử lý và nâng cao chất lượng quản lý cụm công nghiệp.

3. Sở Công thương chủ trì thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện quy hoạch, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp; xử lý hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý vi phạm, vấn đề phát sinh về cụm công nghiệp.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì kiểm tra, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm theo quy định đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN không triển khai theo chủ trương đầu tư, đăng ký đầu tư hoặc triển khai chậm tiến độ, vi phạm pháp luật.

5. Cơ quan có thẩm quyền về quản lý tài nguyên và Môi trường chủ trì thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về tài nguyên và môi trường trong cụm công nghiệp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế này sẽ được khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng hiện hành. Nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các nội dung quy định tại Quy chế này.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công thương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện Quy chế này; Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Công thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sửa đổi, bổ sung Quy chế: Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Công thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định thu gom, vận chuyển và xử lý
chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Khoản 6, Điều 62 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Tổng biên tập Báo Sơn La; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; người đứng đầu các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh Sơn La (b/c);
- Ủy ban mặt trận TQVN tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Biên. 50b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Sơn La.
2. Những nội dung chưa được quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các cơ sở y tế bao gồm cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng, cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược và có phát sinh chất thải rắn y tế; các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất thải rắn y tế bao gồm chất thải rắn y tế nguy hại và chất thải rắn y tế thông thường.
2. Chất thải rắn y tế nguy hại bao gồm chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm (quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021), trừ chất thải lây nhiễm dạng lỏng (bao gồm dịch dẫn lưu sau phẫu thuật, thủ thuật y khoa, dịch thải bỏ chứa máu của cơ thể người hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh); Hóa chất thải bỏ có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất và chất thải là dung dịch rửa phim X Quang, nước thải từ thiết bị xét nghiệm, phân tích và các dung dịch thải bỏ có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.
3. Chất thải rắn y tế thông thường bao gồm
 - Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;

- Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;

- Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực;

- Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;

- Chất thải lây nhiễm sau khi đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại; tro, xỉ từ lò đốt chất thải rắn y tế không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;

- Danh mục chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế.

Điều 4. Nguyên tắc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế

1. Chất thải rắn y tế nguy hại phải được thu gom, phân loại riêng với chất thải rắn thông thường trước khi đưa vào khu vực lưu giữ tại cơ sở phát sinh theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế.

2. Phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định, không làm thất thoát chất thải ra bên ngoài.

3. Chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh từ các cơ sở y tế trên địa bàn được xử lý tại cơ sở có chức năng xử lý hoặc được tập trung xử lý tại các cụm, hạn chế việc xử lý phân tán tại các cơ sở y tế.

4. Chất thải rắn y tế thông thường phải được phân loại, thu gom riêng biệt với chất thải rắn y tế nguy hại và được quản lý như đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trước khi đưa vào khu vực lưu giữ tại cơ sở phát sinh theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN Y TẾ

Điều 5. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế thông thường

1. Thu gom chất thải rắn y tế thông thường

Chất thải rắn y tế thông thường phục vụ mục đích tái chế và chất thải rắn thông thường không phục vụ mục đích tái chế được thu gom riêng.

2. Vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế thông thường

Chất thải rắn thông thường được chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại

1. Thu gom chất thải rắn y tế nguy hại

a) Chất thải lây nhiễm

- Cơ sở y tế quy định luồng đi và thời điểm thu gom chất thải lây nhiễm phù hợp để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực chăm sóc người bệnh và khu vực khác trong cơ sở y tế;

- Dụng cụ thu gom chất thải phải bảo đảm kín, không rò rỉ dịch thải trong quá trình thu gom;

- Chất thải phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải tạm thời trong cơ sở y tế. Trước khi thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín miệng, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín;

- Chất thải phải xử lý sơ bộ ở gần nơi phát sinh chất thải để loại bỏ mầm bệnh bằng thiết bị khử khuẩn. Đối với cơ sở y tế không có thiết bị khử khuẩn chất thải, trước khi thu gom túi đựng chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải buộc kín miệng túi và tiếp tục bỏ vào túi đựng chất thải lây nhiễm thứ 2, buộc kín miệng túi và bỏ vào thùng thu gom chất thải lây nhiễm, bên ngoài thùng có dán nhãn “CHẤT THẢI CÓ NGUY CƠ LÂY NHIỄM CAO”, được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải lây nhiễm để xử lý hoặc chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định;

- Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế tối thiểu một lần một ngày. Đối với các cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg trong một ngày, chất thải lây nhiễm được thu gom với tần suất tối thiểu một lần một ngày, chất thải lây nhiễm sắc nhọn được thu gom tối thiểu là một lần một tháng.

b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm

- Chất thải không lây nhiễm được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong cơ sở y tế.

- Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp, bảo đảm không bị rò rỉ, phân tán hơi thủy ngân ra môi trường.

2. Phương thức vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại

a) Đối với các cơ sở xử lý tại chỗ: Thực hiện vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại từ các khu vực phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải rắn y tế của đơn vị để xử lý đảm bảo đúng pháp luật quy định về quản lý chất thải y tế.

b) Đối với cơ sở không đủ điều kiện xử lý tại chỗ

- Thuê đơn vị có giấy phép môi trường có chức năng xử lý chất thải nguy hại phù hợp với loại chất thải cần vận chuyển để thực hiện vận chuyển đến nơi xử lý.

- Trường hợp cơ sở y tế tự vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh tại cơ sở bằng các phương tiện, thiết bị vận chuyển phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 69 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 36, Điều 37, Khoản 3 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c) Đối với các cơ sở xử lý theo cụm

- Thuê đơn vị có giấy phép môi trường có chức năng xử lý chất thải nguy hại phù hợp với loại chất thải cần vận chuyển để thực hiện vận chuyển đến nơi xử lý.

- Trường hợp cơ sở y tế trong cụm tự vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại từ cơ sở y tế đến cơ sở được chỉ định phải có phương tiện, thiết bị vận chuyển đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điều 36, Điều 37, Khoản 3 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Phương thức xử lý chất thải rắn y tế nguy hại

a) Xử lý theo mô hình Cụm cơ sở y tế (*Phụ lục I*)

- Cụm xử lý số 1: Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Phong và Da liễu;
- Cụm xử lý số 2: Bệnh viện Đa khoa huyện Mai Sơn;
- Cụm xử lý số 3: Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Châu;
- Cụm xử lý số 4: Bệnh viện Đa khoa huyện Mộc Châu;
- Cụm xử lý số 5: Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Yên;
- Cụm xử lý số 6: Bệnh viện Đa khoa huyện Phù Yên;
- Cụm xử lý số 7: Bệnh viện Đa khoa huyện Sông Mã;
- Cụm xử lý số 8: Bệnh viện Đa khoa huyện Sốp Cộp;
- Cụm xử lý số 9: Bệnh viện Đa khoa huyện Thuận Châu;
- Cụm xử lý số 10: Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Nhai;
- Cụm xử lý số 11: Bệnh viện Đa khoa huyện Mường La.

b) Xử lý tại chỗ (*Phụ lục II*)

Các cơ sở y tế không thuộc danh mục các cơ sở y tế theo mô hình cụm và đã được đầu tư công trình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đảm bảo theo quy định

thì tự xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh trong khuôn viên cơ sở phải đáp ứng yêu cầu tại Khoản 2 Điều 70 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; trường hợp công trình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại của các cơ sở không đảm bảo hoặc có sự cố phát sinh chất thải tạm thời gây quá tải thì hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại để xử lý theo quy định.

c) Xử lý tại các cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Các cơ sở y tế không thuộc danh mục các cơ sở y tế theo mô hình cụm và không được đầu tư công trình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đảm bảo theo quy định thì phải ký hợp đồng để chuyển giao chất thải rắn y tế nguy hại cho cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có hạng mục xử lý chất thải rắn y tế nguy hại.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hỗ trợ công tác quản lý chất thải rắn y tế được lấy từ các nguồn: Nguồn kinh phí thu từ các cơ sở y tế xử lý theo mô hình cụm; Kinh phí thường xuyên của các đơn vị (*đối với các cơ sở xử lý tại chỗ*); Kinh phí từ nguồn xã hội hóa hoặc các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan có liên quan chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật hoặc thực tế công tác quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh có những phát sinh cần phải điều chỉnh công tác quản lý.

2. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan, chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh; tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện việc phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải rắn y tế theo đúng quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày

26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

- Kịp thời thông tin cho Sở Tài nguyên và Môi trường về các thay đổi trong thực tế công tác quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung nội dung Quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí để cải tạo, nâng cấp, thay thế các công trình xử lý chất thải rắn y tế theo quy định.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, dự toán của Sở Y tế lập, trình Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp, tham mưu trình UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí cho Sở Y tế hỗ trợ các cơ sở y tế trong công tác xử lý chất thải rắn y tế.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh phương án cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư cho các công trình, dự án xử lý chất thải rắn y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm đáp ứng yêu cầu chủ động xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh.

5. Công an tỉnh

Tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trong việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế đối với các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền nội dung của Quy định rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

7. Báo Sơn La, Đài Phát thanh và Truyền hình Sơn La

Tổ chức thông tin, tuyên truyền các nội dung của Quyết định này trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong công tác quản lý chất thải rắn y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn và việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế từ các cơ sở y tế về cụm xử lý.

9. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

a) Thực hiện quản lý chất thải rắn y tế theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Phân công lãnh đạo cơ sở y tế phụ trách về công tác quản lý chất thải rắn y tế; bố trí cán bộ chuyên trách về công tác quản lý chất thải rắn y tế; giao nhiệm vụ khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn hoặc khoa, phòng, bộ phận phụ trách về công tác quản lý chất thải rắn y tế, bố trí người của cơ sở y tế hoặc phối hợp với đơn vị bên ngoài để thực hiện vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải rắn y tế phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ (*đối với cơ sở y tế tự xử lý chất thải*).

c) Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải rắn y tế hoặc tích hợp trong kế hoạch hoạt động chung hằng năm của cơ sở y tế; bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý chất thải rắn y tế.

d) Thực hiện việc xác định các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở y tế để áp dụng biện pháp quản lý phù hợp theo quy định của Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

đ) Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải theo quy định của pháp luật (*trong đó bao gồm cả phương án xử lý trong trường hợp lượng chất thải rắn y tế gia tăng bất thường do dịch bệnh hoặc lý do bất khả kháng*).

e) Tổ chức đào tạo, tập huấn, truyền thông, phổ biến cho viên chức, người lao động và các đối tượng có liên quan các quy định về quản lý chất thải rắn y tế.

g) Bố trí đủ kinh phí, nhân lực hoặc ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài để thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế.

h) Thống nhất đơn giá xử lý chất thải rắn y tế trong cụm xử lý với cơ sở xử lý cho cụm theo hướng dẫn của Sở Y tế, Sở Tài chính.

k) Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

Phụ lục I
CÁC CỤM XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh)

STT	Các cơ sở xử lý theo mô hình cụm	Địa điểm xử lý	Mô tả công nghệ xử lý			Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
			Loại công nghệ	Công suất thiết kế (kg/giờ)	Tình trạng hoạt động		
1	Cụm số 1						
1.1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Tổ 4, phường Chiềng Lè, TP Sơn La, tỉnh Sơn La	Lò hấp	50		Bệnh viện đa khoa tỉnh; Phong và da liễu; Bệnh viện Phục hồi chức năng; Bệnh viện đa khoa Cuộc sống; Bệnh viện Nội tiết; Bệnh viện Tâm Thần; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La; Trung tâm y tế thành phố; Trung tâm kiểm nghiệm; Trung tâm Pháp Y, Trung tâm giám định Y khoa; các trạm y tế và các phòng khám tư nhân trên địa bàn thành phố	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
1.2	Bệnh viện Phong và Da liễu	Bản Co, phường Chiềng An, Tp Sơn La	Lò đốt	50	Đang hoạt động		
			Lò đốt	30	Đang hoạt động		

STT	Các cơ sở xử lý theo mô hình cụm	Địa điểm xử lý	Mô tả công nghệ xử lý			Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
			Loại công nghệ	Công suất thiết kế (kg/giờ)	Tình trạng hoạt động		
2	Cụm số 2: Bệnh viện Đa khoa huyện Mai Sơn	Tiểu khu 17, thị trấn Hát Lót, Mai Sơn, Sơn La	Lò đốt	25	Đang hoạt động	Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
3	Cụm số 3: Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Châu	TK5, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu	Lò đốt	25	Đang hoạt động	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
4	Cụm số 4: Bệnh viện Đa khoa huyện Mộc Châu	Tiểu khu 11, TT. Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Sơn La	Lò hấp	35 - 65	Đang hoạt động	Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu, Bệnh viện Đa khoa Thảo nguyên; Trung tâm y tế huyện Mộc Châu, Vân Hồ; các trạm y tế thuộc 02 huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn 02 huyện.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
5	Cụm số 5: Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Yên	Bản Phiêng Ban 3, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, Sơn La	Lò đốt	25	Đang hoạt động	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện; các trạm y tế thuộc	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển

STT	Các cơ sở xử lý theo mô hình cụm	Địa điểm xử lý	Mô tả công nghệ xử lý			Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
			Loại công nghệ	Công suất thiết kế (kg/giờ)	Tình trạng hoạt động		
						huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	
6	Cụm số 6: Bệnh viện Đa khoa huyện Phù Yên	Khối 2, Phù Yên, Thị trấn Phù Yên, Sơn La	Lò đốt	30 - 50	Đang hoạt động	Bệnh viện Đa khoa khu vực huyện Phù Yên; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
7	Cụm số 7: Bệnh viện Đa khoa huyện Sông Mã	Tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Lò hấp Lò đốt	25 25	Đang hoạt động	Bệnh viện Đa khoa huyện Sông Mã; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
8	Cụm số 8: Bệnh viện Đa khoa huyện Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Lò đốt	25	Đang hoạt động	Bệnh viện Đa khoa huyện Sốp Cộp; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
9	Cụm số 9: Bệnh viện Đa khoa huyện Thuận Châu	Tiểu khu 21, thị trấn, Thuận Châu, Sơn La	Lò hấp	25	Không hoạt động	Bệnh viện Đa khoa huyện Thuận Châu; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển

STT	Các cơ sở xử lý theo mô hình cụm	Địa điểm xử lý	Mô tả công nghệ xử lý			Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
			Loại công nghệ	Công suất thiết kế (kg/giờ)	Tình trạng hoạt động		
			Lò đốt	45	Đang hoạt động	thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	
10	Cụm số 10: Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường giàng, thị trấn Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai	Lò đốt	15	Đang hoạt động	Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Nhai; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
11	Cụm số 11: Bệnh viện Đa khoa huyện Mường La	Tiểu khu 4, thị trấn Mường La, huyện Mường La	Lò đốt	30 - 50	Đang hoạt động	Bệnh viện Đa khoa huyện Mường La; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển

Phụ lục II
XỬ LÝ TẠI CHỖ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh)

STT	Cơ sở y tế	Địa điểm xử lý	Mô tả công nghệ xử lý		
			Loại công nghệ	Công suất thiết kế (kg/giờ)	Tình trạng hoạt động
1	Bệnh viện phổi Sơn La	TK 17, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn	Lò đốt	25	Đang hoạt động
2	Bệnh viện Y Dược cổ truyền	Số 339A, tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.	Lò đốt	30 - 50	Đang hoạt động
3	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Tổ 17 đường Lê Duẩn, phường Chiềng Sinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La	Lò hấp	20	Đang hoạt động

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân cấp thực hiện thỏa thuận xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính và chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2393/TTr-SGTVT ngày 17 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền thực hiện thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính; công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính; công bố lại hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính; gia hạn hoạt động bến khách

ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính; đóng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính; chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện, thành phố (*gọi chung là UBND cấp huyện*) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

1. Đúng quy định pháp luật của Nhà nước về quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa.

2. Bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND tỉnh và sự thông suốt trong quản lý ngành, chính quyền địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

3. Phân cấp thực hiện thỏa thuận xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính và chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải nhằm phát huy quyền tự chủ, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, địa phương trong việc quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa và chịu trách nhiệm trước pháp luật, cấp có thẩm quyền về các quyết định của mình và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các nội dung không phân cấp tại quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nội dung phân cấp

Phân cấp cho UBND cấp huyện thực hiện các nội dung sau trên địa bàn quản lý:

1. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (viết tắt là Nghị định số 08/2021/NĐ-CP).

2. Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP.

3. Công bố lại và gia hạn hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP.

4. Đóng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP.

5. Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 41 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chỉ đạo, kiểm tra UBND cấp huyện trong việc thực hiện những nội dung được phân cấp thuộc phạm vi quản lý;

b) Giao Sở Giao thông vận tải hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của UBND cấp huyện về những nội dung được phân cấp.

2. Sở Giao thông vận tải

a) Phổ biến và hướng dẫn UBND cấp huyện triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên liên quan đến quản lý hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính; phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa;

b) Định kỳ tổ chức kiểm tra UBND cấp huyện trong việc thực hiện công tác quản lý, cấp phép hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính và chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

c) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Cục đường thủy nội địa Việt Nam theo quy định.

3. UBND cấp huyện có tuyến đường thủy nội địa, vùng nước có hoạt động vận tải

a) Tổ chức thực hiện và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan (nếu có) thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng; công bố, công bố lại, gia hạn hoạt động, đóng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính và chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải thuộc phạm vi địa giới hành chính của địa phương theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2021/NĐ-CP và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Định kỳ tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính; phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải thuộc phạm vi địa giới hành chính của địa phương gửi về Sở Giao thông vận tải trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Giao thông vận tải (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Giao thông vận tải;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT (30b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 06 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bãi bỏ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04/7/2016
của UBND tỉnh về quy định mức hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động
của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 138/2020/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của
HĐND tỉnh về việc bãi bỏ Nghị quyết số 133/2016/NQ-HĐND ngày 22 tháng 3
năm 2016 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động
của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ
trình số 186/TTr-SLĐTBXH ngày 08/8/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh về Quy định mức hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 9 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế Bộ Lao động-TBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản -Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

(Đã ký)

Tráng Thị Xuân

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 08 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 321/TTr-STC ngày 31 tháng 8 năm 2022; Ý kiến Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 như sau:

“- 28 chủng loại hàng hóa mua sắm thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch Covid-19 (có Danh mục kèm theo)”.

2. Sửa đổi Khoản 3 Điều 1 như sau:

Trường hợp phát sinh nhu cầu mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung ngoài dự toán được giao đầu năm và đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán mua sắm, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định giao đơn vị mua sắm tập trung căn cứ thỏa thuận khung đã được ký kết (nếu có), quy định của pháp luật về đấu thầu để áp dụng hình thức mua sắm phù hợp hoặc giao cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu về tài sản tổ chức thực hiện mua sắm.

3. Sửa đổi tên Phụ lục kèm theo Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh, cụ thể như sau: ***“DANH MỤC TÀI SẢN MUA SẮM TẬP TRUNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19”***.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2022.

2. Sở Tài chính

Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung trình UBND tỉnh sửa đổi Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh. Chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện sai phạm (nếu có), vướng mắc, kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để chỉ đạo giải quyết kịp thời, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 100 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục
DANH MỤC TÀI SẢN MUA SẮM TẬP TRUNG
PHỤC VỤ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19
(Kèm theo Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh)

STT	Danh mục	Ghi chú
I	Sinh phẩm xét nghiệm	
1	Sinh phẩm tách chiết cho mẫu	
2	Sinh phẩm tách chiết cho chạy chứng	
3	Master mix cho phản ứng realtime RT-PCR	
4	Mồi (Prime) cho 03 đoạn gen đặc hiệu	
5	Đầu dò (probe) cho 03 đoạn gen đặc hiệu	
6	Bộ sinh phẩm đóng gói sẵn đã có số đăng ký và được cấp phép sử dụng	
7	Sinh phẩm phản ứng cho chạy chứng	
8	Test nhanh	
II	Vật tư tiêu hao phục vụ lấy mẫu bệnh phẩm và xét nghiệm	
9	Đầu côn (típ) có lọc, 1000 μ L- tiệt trùng	
10	Đầu côn (típ) có lọc, 200 μ L- tiệt trùng	
11	Đầu côn (típ) có lọc, 100 μ L- tiệt trùng	
12	Đầu côn (típ) có lọc, 10 μ L- tiệt trùng	
13	Tuýp 2ml các loại	
14	Tuýp 0.1ml (8tuýp/1thanh)	
15	Nắp strip (bằng số tuýp 0,1ml)	
16	Tuýp 15 ml	
17	Tuýp 50 ml	
18	Hộp lưu mẫu 100 vị trí	

STT	Danh mục	Ghi chú
19	Vật tư tiêu hao hóa chất diệt trùng, khử nhiễm	
20	Môi trường vận chuyển bệnh phẩm	
21	Que lấy dịch tỵ hầu	
22	Hộp lạnh bảo quản và vận chuyển mẫu	
23	Dung dịch sát khuẩn tay	
III	Phương tiện phòng hộ cá nhân	
24	Bộ quần áo chống dịch	
25	Găng tay không bột các cỡ	
26	Khẩu trang N95	
27	Khẩu trang y tế	
28	Tấm che mặt	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 123/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh danh mục dự án kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh về phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 208/BC-DT ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh danh mục dự án kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

1.1. Điều chỉnh tên danh mục dự án đầu tư tại Mục 2.15, Biểu số 1.1 “Đường giao thông từ bản Lạnh Bánh đi bản Nậm Lạnh, xã Nậm Lạnh” thành dự án “Đường giao thông từ bản Nậm Lạnh đi bản Hua Lạnh, xã Nậm Lạnh”.

1.2. Các danh mục khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

2.1. Thay thế các biểu: Biểu số 2.1; Biểu số 2.1.1; Biểu số 2.4.1; Biểu số 2.4.2; Biểu số 2.4.3; Biểu số 2.4.4; Biểu số 2.4.5; Biểu số 2.5.1; Biểu số 2.9.1 (có biểu chi tiết số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 kèm theo).

2.2. Các biểu khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

3.1. Thay thế danh mục dự án tại Phụ lục số 3.1.1 thuộc Biểu số 3.1 (có Biểu chi tiết số 10 kèm theo).

3.2. Các biểu khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp chuyên đề lần thứ tám thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND, UBND; UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ các xã, phường, thị trấn;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN DỰ ÁN 1
Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
(Kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Kế hoạch vốn năm 2022	Vốn đầu tư					Vốn sự nghiệp
			Tổng số	Trong đó:				
				Hỗ trợ đất ở	Hỗ trợ nhà ở	Hỗ trợ đất sản xuất	NSH tập trung	
	Tổng số	99.008	79.412	12.521	26.400	5.332	35.159	19.596
1	Bắc Yên	6.890	5.333	960	1.440	472,5	2.460	1.557
2	Mai Sơn	8.273	5.695	641	960	-	4.094	2.578
3	Mộc Châu	7.113	5.437	880	680	337,5	3.539	1.676
4	Mường La	6.309	4.333	-	1.440	-	2.893	1.976
5	Phù Yên	8.392	5.565	640	880	1.395,0	2.650	2.827
6	Quỳnh Nhai	5.174	4.455	-	1.320		3.135	719
7	Sông Mã	13.150	10.820	1.319	6.520	1.057,5	1.923	2.330
8	Sốp Cộp	3.168	3.036	-	280	67,5	2.688	132
9	Thuận Châu	11.285	9.515	641	6.800	-	2.074	1.770
10	Vân Hồ	8.535	7.065	800	720	1.957,0	3.588	1.470
11	Yên Châu	16.814	14.262	6.520	5.080	-	2.662	2.552
12	Thành phố	3.907	3.898	120	280	45,0	3.453	9

Biểu số 02
DỰ ÁN 1: DANH MỤC CÔNG TRÌNH NƯỚC SINH HOẠT TẬP TRUNG NĂM 2022
 (Kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng				
STT	Huyện, danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
	Tổng số		35.159	
I	Huyện Bắc Yên		2.460	
1	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Suối Lẹ	Xã Chim Vàn		
2	Nâng cấp sửa chữa nước sinh hoạt bản Mới	Thị trấn Bắc Yên		
3	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Vàn	Xã Chim Vàn		
4	Làm mới nước sinh hoạt bản Chanh	Xã Song Pe		
II	Huyện Mai Sơn		4.094	
1	Công trình Nước sinh hoạt bản Nong Tàu Thái, xã Phiêng Cầm (trung tâm UBND xã)	Xã Phiêng Cầm		
2	Công trình Nước sinh hoạt Bản Yên Bình, xã Chiềng Chăn	Xã Chiềng Chăn		
3	Công trình Nước sinh hoạt liên bản xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai		
4	Công trình Nước sinh hoạt bản Mòn 1, Mòn 2 xã Chiềng Lương	Xã Chiềng Lương		
III	Huyện Mộc Châu		3.539	
1	Nước sinh hoạt bản Co Lù, xã Chiềng Hắc	Xã Chiềng Hắc		
2	Nước sinh hoạt bản Bến Trai, xã Quy Hương	Xã Quy Hương		
3	Nước sinh hoạt bản Suối Ba; xã Hua Păng	Xã Hua Păng		
4	Sửa chữa, nâng cấp công trình Nước sinh hoạt bản Nà Giảng 2, xã Quy Hương	Xã Quy Hương		

STT	Huyện, danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
5	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Pha Đón, xã Lóng Sập	Xã Lóng Sập		
6	Nâng cấp, sửa chữa công trình Nước sinh hoạt bản Hong Húa, xã Lóng Sập	Xã Lóng Sập		
7	Nước sinh hoạt liên xã Tà Lại - Nà Mường, huyện Mộc Châu	Xã Tà Lại - Nà Mường		
IV	Huyện Mường La		2.893	
1	Cấp nước sinh hoạt Pú Khôm bản Ái Ngựa, xã Hua Trai	Xã Hua Trai		
2	Cấp nước sinh hoạt bản Lướt	Xã Ngọc Chiến		
3	Cấp nước sinh hoạt Bản Đen Đin xã Nậm Giôn	Xã Nậm Giôn		
4	Nâng cấp sửa chữa nước sinh hoạt bản Nong Hoi Dưới	Xã Chiềng Ân		
5	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Cát Lình	Xã Chiềng Muôn		
V	Huyện Phù Yên		2.650	
1	Công trình Nước sinh hoạt tập trung bản Đồng Mã, Tân Phong	Xã Tân Phong		
2	Công trình nước sinh hoạt bản Bãi Vàng xã Đá Đỏ	Xã Đá Đỏ		
3	Công trình nước sinh hoạt bản Bản Thượng Lang xã Mường Lang	Xã Mường Lang		
4	Công trình nước sinh hoạt bản Bản Khe Lành xã Mường Thái	Xã Mường Thái		
VI	Huyện Quỳnh Nhai		3.135	
1	Sửa chữa công trình nước sinh hoạt điểm ĐCĐC Phiêng Bó	Xã Nậm Ét		
2	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Nong xã Nậm Ét	Xã Nậm Ét		
3	Nâng cấp Nước Sinh Hoạt bản Lạn xã Nậm Ét	Xã Nậm Ét		
4	Sửa chữa công trình nước sinh hoạt + thủy lợi điểm ĐCĐC Phiêng Luông	Xã Chiềng Khay		

STT	Huyện, danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
5	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt bản Có Nàng + Táng Luông xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay		
6	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Huổi Tầm xã Mường Sại	Xã Mường Sại		
7	Nâng cấp, sửa chữa Nước Sinh Hoạt bản Huổi Tôm xã Mường Sại	Xã Mường Sại		
8	Nâng cấp, sửa chữa Nước Sinh Hoạt bản Pá Báng xã Mường Sại	Xã Mường Sại		
9	Nước sinh hoạt bản Phát xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng		
10	Sửa chữa Nước sinh hoạt Pho Pha (điểm Huổi Pha) xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng		
VII	Huyện Sông Mã		1.923	
1	Công trình nước sinh hoạt bản Hịa, xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm		
2	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Co Tông, xã Chiềng En	Xã Chiềng En		
3	Công trình nước sinh hoạt bản Huổi Tính, xã Bó Sinh	Xã Bó Sinh		
VIII	Huyện Sốp Cộp		2.688	
1	Nước sinh hoạt tập trung bản Pá Khoang, xã Mường Và	Xã Mường Và		
2	Nước sinh hoạt tập trung bản Nậm Lạnh, xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh		
3	Nước sinh hoạt tập trung bản Huổi Sang, xã Sam Kha	Xã Sam Kha		
4	Nước sinh hoạt tập trung bản Chăm Hỳ, xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo		
5	Nước sinh hoạt tập trung cụm dân cư Co Hạ, bản Khá, xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn		
6	Nước sinh hoạt trung tâm xã Dòm Cang	Xã Dòm Cang		
IX	Huyện Thuận Châu		2.074	
1	Sửa chữa Nước sinh hoạt Bản Buồng, xã Bản Lầm	Xã Bản Lầm		

STT	Huyện, danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
2	Nước sinh hoạt bản Phặng, xã Bon Phặng	Xã Bon Phặng		
3	Sửa chữa Nước sinh hoạt bản Ten Ké, Ten Muông, xã Chiềng Bôm	Xã Chiềng Bôm		
4	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Heo Trại, bản Trọ Phặng, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha		
5	Nước sinh hoạt bản Sai, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha		
X	Huyện Vân Hồ		3.588	
1	Nước sinh hoạt tập trung bản Khả Nhài	Xã Mường Men		
2	Nước sinh hoạt tập trung bản Chiềng Lè	Xã Chiềng Khoa		
3	Nước sinh hoạt tập trung bản Niên	Xã Chiềng Yên		
4	Nước sinh hoạt bản Pa Cốp	Xã Vân Hồ		
XI	Huyện Yên Châu		2.662	
1	Công trình Nước sinh hoạt tập trung bản Bất Đông, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Xã Sập Vạt		
2	Công trình Nước sinh hoạt tập trung bản Na Pa, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Xã Sập Vạt		
3	Công trình Nước sinh hoạt tập trung bản Khóng, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Xã Sập Vạt		
4	Công trình Nước sinh hoạt tập trung bản Lao Khô 1, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Xã Phiêng Khoài		
XII	Thành phố		3.453	
1	Công trình cấp nước bản Tam	Xã Chiềng Đen		
2	Công trình cấp nước bản Hoàng Văn Thụ	Xã Hua La		
3	Dự án nước sinh hoạt bản Nà Lo	Xã Chiềng Ngần		
4	Công trình nước sinh hoạt bản Hịa, xã Hua La	Xã Hua La		
5	Nước sinh hoạt bản Co Phung	Xã Hua La		

Biểu số 03
DỰ ÁN 4: DANH MỤC ĐẦU TƯ CỨNG HOÁ ĐƯỜNG LIÊN XÃ NĂM 2022
 (Kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến quy mô	Kế hoạch năm 2022
	Tổng			87.040
1	Đường Giao thông xã Chiềng Dong - Phiềng Cầm, huyện Mai Sơn	Xã Chiềng Dong, Phiềng Cầm, huyện Mai Sơn	28 km GTNT cấp B có chầm trước	
2	Đường giao thông liên xã Bản Khừa - Suối Đon, xã Chiềng Khừa đến bản Pha Đón, A Má xã Lóng Sập	Xã Chiềng Khừa - Lóng Sập, huyện Mộc Châu	15,5 km GTNT cấp B có chầm trước	
3	Đường giao thông liên xã điểm đầu từ bản Pha Lụ (xã Mường É) - Điểm cuối bản Nà Muông (xã É Tông)	Xã Mường É và xã É Tông, huyện Thuận Châu	21,3 km GTNT cấp B có chầm trước	
4	Đường GTNT từ xã Cà Nàng (bản Phát) - xã Chiềng Khay (bản nà Mùn) huyện Quỳnh Nhai	Xã Chiềng Khay - Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	18,5 km GTNT cấp B có chầm trước	
5	Đường giao thông từ bản Hua Chiến, xã Chiềng Muôn đến đập thủy điện Nậm Chiến, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Xã Chiềng Muôn, Xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	18,5 km GTNT cấp B có chầm trước	

Biểu số 04
DỰ ÁN 4: DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢI TẠO NÂNG CẤP MẠNG LƯỚI CHỢ
VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
	Tổng số		5.120	
1	Huyện Bắc Yên		510	
	Đầu tư chợ xã Song Pe, huyện Bắc Yên	Xã Song Pe, huyện Bắc Yên		
2	Huyện Mai Sơn		1.280	
	Đầu tư chợ xã Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn	Xã Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn		
3	Huyện Mường La		1.025	
	Đầu tư chợ xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Xã Ngọc Chiến, huyện Mường La		
	Đầu tư chợ xã Chiềng Lao, huyện Mường La	Xã Chiềng Lao, huyện Mường La		
4	Huyện Phù Yên		255	
	Đầu tư chợ trung tâm xã Tường Phong, huyện Phù Yên	Xã Tường Phong, huyện Phù Yên		
5	Huyện Quỳnh Nhai		385	
	Đầu tư chợ xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai		

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
6	Huyện Yên Châu		770	
	Đầu tư chợ xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Xã Yên Sơn, huyện Yên Châu		
	Đầu tư chợ xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Xã Chiềng On, huyện Yên Châu		
7	Huyện Vân Hồ		510	
	Đầu tư chợ Trung tâm xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ	Xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ		
8	Huyện Thuận Châu		385	
	Đầu tư chợ xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu	Xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu		

Biểu số 05
DỰ ÁN 4: DANH MỤC XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CẤP TRẠM Y TẾ XÃ NĂM 2022
 (Kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng				
STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến quy mô	Kế hoạch năm 2022
	Tổng số			3.000
1	Công trình trạm Y tế xã Tường Hạ	Xã Tường Hạ, huyện Phù Yên	Xây dựng nhà 2 tầng và hạng mục phụ trợ	
2	Công trình trạm Y tế xã Tân Phong	Xã Tân Phong, huyện Phù Yên	Thiết kế mẫu	

Biểu số 06
DỰ ÁN 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NĂM 2022
 (Kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng					
STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú	
	Tổng số				
I	Huyện Bắc Yên				
1	Đường bê tông từ trung tâm bản Bẹ xuống đường Xuân Thiện	Xã Tà Xùa	20.529		
2	Đường bê tông nội đồng tuyến đèo rừng thông ông Lừ A Sáy xuống suối Bẹ	Xã Tà Xùa			
3	Đường từ Ngã ba nhà ông Nhè đến khu Tà Sán Lù	Xã Tà Xùa			
4	Nhà văn hoá bản Suối Lệnh	Xã Hang Chú			
5	Nhà văn hoá bản Hang Chú	Xã Hang Chú			
6	Đường bê tông trục chính bản Kỳ Sơn (giai đoạn 3)	Xã Phiêng Côn			
7	Đường bê tông từ trung tâm xã đến bản Tăng (Giai đoạn 1)	Xã Chiềng Sại			
8	Đường liên bản Co Muồng - Suối Trắng - Nậm Lin - ngã ba trục Co Muồng - Mồm Bò (bản Nà Dòn) giai đoạn 1	Xã Chiềng Sại			
9	Đường bê tông từ QL 37 đến bản Suối Quốc (Giai đoạn 1)	Xã Song Pe			
10	Đường bê tông từ QL 37 đến bản Suối Song (Giai đoạn 2)	Xã Song Pe			
11	Đường bê tông từ bản Vàn lên đường Cao Đa Tà Hộc (Đoạn còn lại)	Xã Chim Vàn			
12	Đường bê tông từ đường Cao Đa Tà Hộc - bản Suối Cải (đoạn còn lại khu Suối Đay)	Xã Chim Vàn			
13	Đường bê tông Ợ B - Tà Đà A	Xã Tạ Khoa			
14	Đường bê tông đi khu sản xuất bản Xím Vàng	Xã Xím Vàng			

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
15	Nhà văn hoá bản Xím Vàng	Xã Xím Vàng		
16	Nhà văn hoá bản Trông Tàu	Xã Xím Vàng		
17	Đường bê tông từ Tỉnh lộ 112 đến bản Cáo A (giai đoạn 1)	Xã Làng Chếu		
18	Đường bê tông từ TT xã đến bản Trang Dưa Hang	Xã Làng Chếu		
19	Nhà văn hoá bản Háng Đồng	Xã Háng Đồng		
20	Đường bê tông nội bản bản Háng Đồng	Xã Háng Đồng		
21	Đường bê tông nội bản bản chông Tra	Xã Háng Đồng		
22	Đường bê tông vào khu Pa Hóc bản Hồ Sen.	Xã Hua Nhàn		
23	Đường bê tông trục chính bản Pa Khóm	Xã Hua Nhàn		
24	Đường bê tông từ trung tâm xã đến bản Đung Giăng (giai đoạn 1)	Xã Hồng Ngài		
25	Nhà văn hoá bản Pắc Ngà	Xã Pắc Ngà		
26	Đường bê tông nội bản Bưóc	Xã Pắc Ngà		
II	Huyện Mai Sơn		15.951	
1	Công trình đường nội bản Pù Tền, xã Tà học	Xã Tà Học		
2	Công trình Nhà văn hoá bản Hộc, xã Tà Học	Xã Tà Học		
3	Công trình đường Pá Hóc đi Pù Tền, xã Tà Học	Xã Tà Học		
4	Công trình Nhà văn hoá bản Nà Rằm - Phú Lương, xã Chiềng Lương	Xã Chiềng Lương		
5	Công trình Nhà văn hoá bản Dăm Hoa, xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai		
6	Công trình kênh mương tưới tiêu cho đồng ruộng bản Vực Bon, xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai		

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
7	Công trình Cầu qua suối bản Lon Kéo, xã Chiềng Kheo	Xã Chiềng Kheo		
8	Công trình đường liên bản Buốt Ván, xã Chiềng Kheo đi bản Nà Khoang, xã Chiềng Dong	Xã Chiềng Kheo		
9	Công trình đường bản Nà Khoang, xã Chiềng Dong đi bản Ngòi, xã Chiềng Chung	Xã Chiềng Dong		
10	Nhà văn hoá bản Pha Đin, xã Chiềng Dong	Xã Chiềng Dong		
11	Công trình Nhà văn hoá bản Thăm, xã Chiềng Ve	Xã Chiềng Ve		
12	Công trình kênh mương tưới tiêu cho đồng ruộng bản Khiêng, xã Chiềng Ve	Xã Chiềng Ve		
13	Công trình Nhà văn hoá bản Trạm Hin, xã Nà Ót	Xã Nà Ót		
14	Công trình Nhà văn hoá bản Xà Vít, xã Nà Ót	Xã Nà Ót		
15	Công trình cầu trần qua suối vào khu sản xuất bản Nà Hạ, xã Nà Ót	Xã Nà Ót		
16	Công trình Nhà văn hoá bản Lọng Hỏm, xã Phiềng Cầm	Xã Phiềng Cầm		
17	Công trình Nhà văn hoá bản Phiềng Mụ, xã Phiềng Cầm	Xã Phiềng Cầm		
18	Nhà văn hoá xã Phiềng Cầm	Xã Phiềng Cầm		
19	Công trình Nhà văn hoá bản Ta Vát, xã Phiềng Păn	Xã Phiềng Păn		
20	Công trình Đường nội bản Thán, xã Phiềng Păn	Xã Phiềng Păn		
III	Huyện Mộc Châu		4.893	
1	Đường giao thông liên bản Phách - Bản Trọng	Xã Chiềng Khừa		
2	Cầu Bé tông vào khu sản xuất bản Pơ Nang xã Tân Hợp	Xã Tân Hợp		
3	Đường giao thông từ bản Nà Sánh đến bản Sao Tua xã Tân Hợp	Xã Tân Hợp		
4	Đường giao thông liên bản Thảng 5 - Bản Nông Cựt xã Tà Lại	Xã Tà Lại		

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
5	Dự án điện nông thôn trên địa bàn huyện Mộc Châu	Huyện Mộc Châu		
IV	Huyện Mường La		18.949	
1	Nhà văn hóa Bản Lâm	Xã Chiềng San		
2	Nâng cấp đường giao thông bản Pú Pầu	Xã Chiềng San		
3	Nhà văn hóa bản Púng Quài	Xã Chiềng San		
4	Nhà văn hóa bản Pá Chiến	Xã Chiềng San		
5	Nhà văn hóa bản Pá Hợp	Xã Nậm Giôn		
6	Công trình nhà công vụ UBND xã Nậm Giôn	Xã Nậm Giôn		
7	Công trình nhà văn hóa bản Púng Ngà	Xã Nậm Giôn		
8	Nhà văn hóa bản Huổi Săn	Xã Nậm Giôn		
9	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Nậm Giôn	Xã Nậm Giôn		
10	Đường giao thông bản Púng Ngà	Xã Nậm Giôn		
11	Cầu đập tràn qua suối Xăm bản Pậu	Xã Chiềng Lao		
12	Sửa chữa nhà văn hóa và khuôn viên Bản Léch	Xã Chiềng Lao		
13	Nhà văn hóa bản Phiêng Cại + Huổi Păng, xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao		
14	Nhà văn hóa bản Tà Sài + Huổi La, xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao		
15	Nhà văn hóa bản Nà Xu + Xu Xăm + Nà Biềng	Xã Chiềng Lao		
16	Đường Bản Õ, Bản Lè	Xã Hua Trai		
17	Sửa chữa nâng cấp nhà văn hóa UBND xã Hua Trai	Xã Hua Trai		

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
18	Xây dựng nhà công vụ, kê đá trường TT mầm non, tiểu học - THCS Hua Trai	Xã Hua Trai		
19	Tuyến đường Pá Hiêu bản Ái Ngựa	Xã Hua Trai		
20	Nhà văn hóa bản Po, xã Hua Trai	Xã Hua Trai		
21	Sửa chữa, nâng cấp nhà lưu trú cho bệnh nhân	Xã Hua Trai		
22	Nhà văn hóa bản Nậm Hồng, xã Hua Trai	Xã Hua Trai		
23	Đường giao thông Bản Lúa - Nà Trà	Xã Pì Toong		
24	Đường giao thông bản Cang Phiêng	Xã Pì Toong		
25	Thủy lợi Bản Ten, xã Pì Tong	Xã Pì Toong		
26	Thủy lợi Bản Lúa	Xã Pì Toong		
27	Nhà văn hóa bản Tong	Xã Pì Toong		
28	Nâng cấp tuyến đường từ bản Hua Chiến đến bản Hua Kìm	Xã Chiềng Muôn		
29	Sửa chữa đường từ trung tâm xã lên bản Hua Chiến	Xã Chiềng Muôn		
30	Thủy lợi bản Pá Khoang	Xã Chiềng Muôn		
31	Nhà văn hóa bản Co Sủ Trên	Xã Chiềng Công		
32	Sửa chữa nhà văn hóa Đin Lanh	Xã Chiềng Công		
33	Thủy lợi bản Tóc Tát Trên	Xã Chiềng Công		
34	Nhà văn hóa bản Chông Du Tẩu	Xã Chiềng Công		
35	Nhà văn hóa bản Tảo Ván	Xã Chiềng Công		
36	Nhà văn hóa bản Lọng Bó	Xã Chiềng Công		

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
37	Nhà văn hóa bản Sạ Súng	Xã Chiềng Ân		
38	Thủy lợi Lạ Lâu, bản Nong Hoi Dưới	Xã Chiềng Ân		
39	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã đến bản Hán Trạng, Xạ Súng	Xã Chiềng Ân		
40	Nhà văn hóa bản Pá Tong, xã Tạ Bú	Xã Tạ Bú		
41	Nhà văn hóa UBND xã Tạ Bú	Xã Tạ Bú		
42	Nhà văn hóa bản Lửa Xe	Xã Chiềng Hoa		
43	Nhà văn hóa bản Nong É	Xã Chiềng Hoa		
44	Nhà văn hóa bản Mường Pịa	Xã Chiềng Hoa		
45	Nhà văn hóa UBND xã Chiềng Hoa	Xã Chiềng Hoa		
46	Nhà văn hóa bản Hìn Phá	Xã Chiềng Hoa		
47	Nhà văn hóa bản Huổi Má	Xã Chiềng Hoa		
48	Dự án điện nông thôn, điện không an toàn trên địa bàn huyện Mường La	huyện Mường La		
V	Huyện Phù Yên		27.311	
1	Nâng cấp Đường vào khu sản xuất bản Bắc Păn, xã Bắc Phong	Xã Bắc Phong		
2	Nâng cấp Đường vào khu sản xuất bản Bãi Con, xã Bắc Phong	Xã Bắc Phong		
3	Nâng cấp đường giao thông liên bản Tang Lang - Suối Tiếu, xã Đá Đỏ	Xã Đá Đỏ		
4	Nhà văn hoá xã Đá Đỏ	Xã Đá Đỏ		
5	Nhà văn hoá bản Hợp Bông, xã Đá Đỏ	Xã Đá Đỏ		
6	Nhà văn hoá bản Bãi Sại, xã Đá Đỏ	Xã Đá Đỏ		
				73

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
7	Nâng cấp đường giao thông bản Suối Nhúng, xã Huy Tường	Xã Huy Tường		
8	Xây dựng cầu trần liên hợp bản Suối Nhúng, xã Huy Tường	Xã Huy Tường		
9	Hệ thống mương thủy lợi bản Noong Pùng đến bản Tiến Phong	Xã Huy Tường		
10	Xây dựng Hồ tích nước bản Muống Thượng, xã Huy Tường	Xã Huy Tường		
11	Nâng cấp đường giao thông bản Chiếu đi bản Giáp đất	Xã Mường Thai		
12	Nâng cấp đường giao thông bản Thái đi bản Suối Quốc, Suối Tàu	Xã Mường Thai		
13	Đường giao thông từ trung tâm xã đến bản Phiêng Lương, xã Sập Xa	Xã Sập Xa		
14	Nhà văn hoá bản Xa, xã Sập Xa	Xã Sập Xa		
15	Lớp học mầm non cấm bản Pưn, xã Sập Xa	Xã Sập Xa		
16	Đường giao thông liên bản Nà Lay đến bản Suối Dăm, xã Sập Xa	Xã Sập Xa		
17	Nâng cấp đường giao thông từ bản Suối Dinh đi bản Pắc Bẹ C	Xã Suối Tọ		
18	Nhà văn hoá bản Trờ, xã Suối Tọ	Xã Suối Tọ		
19	Nhà văn hoá bản Đồng Mã, xã Tân Phong	Xã Tân Phong		
20	Nhà văn hoá bản Bông xã Tân Phong	Xã Tân Phong		
21	Xây dựng trường mầm non xã Tân Phong	Xã Tân Phong		
22	Nâng cấp trường trung tâm xã + các điểm trường xã Tân phong	Xã Tân Phong		
23	Hạng mục phụ trợ trường TH&THCS Tân Phong	Xã Tân Phong		
24	Nhà chức năng trường TH&THCS Tường Hạ	Xã Tường Hạ		
25	Bếp ăn bán trú trường Mầm non Tường Hạ	Xã Tường Hạ		

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
26	Xây dựng cầu trần bản Suối Lóm, xã Tường Phong	Xã Tường Phong		
27	Xây dựng cầu trần bản Suối Tre, xã Tường Phong	Xã Tường Phong		
28	Nhà văn hoá bản Suối Lóm	Xã Tường Phong		
29	Đường xuống bến đò ngang trung tâm xã Tường Phong	Xã Tường Phong		
30	Nhà công vụ trường TH và THCS xã Tường Phong	Xã Tường Phong		
31	Đường giao thông từ bản Suối Cáy đi bản Suối Thịnh	Xã Suối Bàu		
32	Đường giao thông liên bản Bản Thon đến bản Chượp, xã Tường Thượng	Xã Tường Thượng		
33	Xây dựng Đường từ bản Khoa 2, xã Tường Thượng đi Kim Bon	Xã Tường Thượng		
34	Nhà văn hoá bản Chượp, xã Tường Thượng	Xã Tường Thượng		
35	Nhà văn hoá bản Chăn, xã Tường Thượng	Xã Tường Thượng		
36	Nhà văn hoá bản Khoa 2, xã Tường Thượng	Xã Tường Thượng		
37	Nâng cấp đường giao thông từ bản Sọc đi bản Chè Mè	Xã Mường Bang		
38	Nâng cấp đường giao thông từ bản Tường Lang xã Mường Lang đến bản Thượng Lang, xã Mường Lang	Xã Mường Lang		
VI	Huyện Quỳnh Nhai		6.314	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn liên bản Ít Ta Bót - Nậm Tấu xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay		
2	Đường giao thông nông thôn liên bản Ít Ta Bót - Có Que xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay		
3	Thủy lợi bản Pá Bó xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay		
4	Thủy lợi bản Cà Nàng xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng		
5	Sửa chữa các nhà lớp học, sân công trường rào, và các hạng mục phụ trợ khác trường TH và THCS Cà Nàng	Xã Cà Nàng		

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
6	Sửa chữa thủy lợi bản Phát xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng		
7	Trường TH-THCS xã Mường Sại; Hạng mục: Sân, công tường rào và phụ trợ	Xã Mường Sại		
8	Nâng cấp đường giao thông bản Nhà Sầy - bản Tôm xã Mường Sại	Xã Mường Sại		
9	Sửa chữa các nhà lớp học, sân công tường rào, và các hạng mục phụ trợ khác trường TH và THCS Nậm É	Xã Nậm É		
VII	Huyện Sông Mã		25.753	
1	Công trình cầu cứng qua suối Lẹ tại Bản Ổ - Bản Nong Phạ, xã Mường Sại	Xã Mường Sại		
2	Công trình nhà lớp học mầm non bản Co Đũa, xã Mường Sại	Xã Mường Sại		
3	Công trình Nhà văn hoá bản Co Đũa, xã Mường Sại	Xã Mường Sại		
4	Công trình Nhà văn hoá bản Nà Phung, xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty		
5	Công trình Nhà văn hoá bản Nà Pàn, xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty		
6	Công trình Nhà văn hoá bản Hiếm Lăn, xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty		
7	Công trình nhà lớp học mầm non bản Mường Cai, xã Mường Cai	Xã Mường Cai		
8	Cầu Sải Khao xã Mường Cai	Xã Mường Cai		
9	Công trình thủy lợi bản Chả, xã Nậm Mẩn	Xã Nậm Mẩn		
10	Công trình thủy lợi bản Nà Cà, xã Nậm Mẩn	Xã Nậm Mẩn		
11	Công trình Nhà văn hoá bản Chả, xã Nậm Mẩn	Xã Nậm Mẩn		
12	Công trình Nhà văn hoá bản Hua Lung, xã Chiềng En	Xã Chiềng En		
13	Công trình Nhà văn hoá bản Nà Bó, xã Chiềng En	Xã Chiềng En		
14	Công trình Nhà văn hoá bản Lọng Xày, xã Chiềng En	Xã Chiềng En		

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
15	Công trình cầu cứng qua suối bản Nậm Pù, xã Huổi Một	Xã Huổi Một		
16	Công trình Nhà văn hoá bản Lọng Mòn, xã Huổi Một	Xã Huổi Một		
17	Công trình Nhà văn hoá bản Nà Nghiêu, xã Huổi Một	Xã Huổi Một		
18	Công trình Nhà văn hoá bản Co Kiếng, xã Huổi Một	Xã Huổi Một		
19	Công trình Nhà văn hoá bản Hợp Tiến, xã Huổi Một	Xã Huổi Một		
20	Nâng cấp đường giao thông từ bản Páng - bản Huổi, xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng		
21	Nâng cấp đường giao thông từ bản Sông - bản Nà Hạ, xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng		
22	Nâng cấp đường giao thông từ bản Bang - bản Pá Pao, xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng		
23	Nhà văn hoá bản Sông, xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng		
24	Công trình Nhà văn hoá bản Ban Lạt, xã Chiềng Phung	Xã Chiềng Phung		
25	Công trình Nhà văn hoá bản Sàng Lay, xã Chiềng Phung	Xã Chiềng Phung		
26	Công trình cầu cứng qua suối bản Pìn - bản Nong Xô, xã Chiềng Phung	Xã Chiềng Phung		
27	Công trình đường giao thông từ bản Nà Sàng-Pá Tra, xã Chiềng Phung	Xã Chiềng Phung		
28	Công trình Nhà văn hoá bản Cù Bú, xã Chiềng Phung	Xã Chiềng Phung		
29	Công trình thủy lợi Nà Kéo, bản Đưa Luông, xã Đưa Mòn	Xã Đưa Mòn		
30	Công trình Nhà văn hoá bản Phiêng Nồng, xã Đưa Mòn	Xã Đưa Mòn		
31	Công trình nhà lớp học tiểu học bản Nà Tấu, xã Đưa Mòn	Xã Đưa Mòn		
32	Công trình Nhà văn hoá bản Trung Châu, xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang		
33	Công trình Nhà văn hoá bản Hát Sét, xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang		

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
34	Công trình Nhà văn hoá bản Cũ, xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang		
35	Công trình Nhà văn hoá bản Chiềng Cang, xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang		
36	Công trình Nhà văn hoá bản Nhạp, xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang		
37	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã - Nhà văn hoá bản Háng Xía, xã Pú Bấu	Xã Pú Bấu		
38	Công trình Nhà văn hoá bản Pú Bấu, xã Pú Bấu	Xã Pú Bấu		
39	Công trình nhà lớp học tiểu học bản Pá Ca (<i>điểm trung tâm</i>), xã Pú Bấu	Xã Pú Bấu		
40	Công trình Nhà văn hoá bản Ta Bay, xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong		
41	Công trình Nhà văn hoá bản Hua Na, xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong		
42	Công trình Nhà văn hoá bản Chiềng Còi, xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong		
43	Công trình Nhà văn hoá bản Pá Khôm, xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong		
44	Công trình Nhà văn hoá bản Pá Ban, xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong		
45	Nhà văn hoá, bản Mường Nưa, xã Mường Lâm	Xã Mường Lâm		
46	Nhà văn hoá, bản Phèn, xã Mường Lâm	Xã Mường Lâm		
47	Nhà văn hoá bản Nà Và, xã Mường Lâm	Xã Mường Lâm		
48	Nhà văn hoá, bản Mường Cang, xã Mường Lâm	Xã Mường Lâm		
49	Đường nội bản bản Hịa xã Mường Lâm	Xã Mường Lâm		
50	Tuyến đường từ QL 12G -:- Còn Sày - Tà Coong	Xã Mường Lâm		
51	Nâng cấp đường giao thông từ bản Mường Nưa - bản Huổi Ёn, xã Mường Lâm	Xã Mường Lâm		
52	Công trình đường giao thông từ bản Mường Nưa - bản Nà Và, xã Mường Lâm	Xã Mường Lâm		

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
53	Công trình đường giao thông từ bản Lầu - bản Hua Ngây, xã Mường Lăm	Xã Mường Lăm		
54	Công trình cầu trần qua suối Cát, bản Áng, xã Mường Hung	Xã Mường Hung		
55	Công trình đường giao thông từ bản Phiêng Lươn - bản Nà Hứa, xã Mường Hung	Xã Mường Hung		
56	Công trình Nhà văn hoá bản Huổi Oí, xã Mường Hung	Xã Mường Hung		
57	Nhà văn hoá bản Cát xã Mường Hung	Xã Mường Hung		
58	Công trình Nhà văn hoá bản Nà Hứa-Nà Nóng, xã Mường Hung	Xã Mường Hung		
59	Công trình Nhà văn hoá bản Mé Bon, xã Nà Nghịu	Xã Nà Nghịu		
60	Công trình Nhà văn hoá bản Thón, xã Nà Nghịu	Xã Nà Nghịu		
61	Nhà văn hoá bản Bon Phung, xã Nà Nghịu	Xã Nà Nghịu		
62	Nhà văn hoá bản Nà Hin, xã Nà Nghịu	Xã Nà Nghịu		
63	Thủy lợi bản Thón, xã Nà Nghịu	Xã Nà Nghịu		
64	Công trình Nhà văn hoá bản Pá Ma, xã Bó Sinh	Xã Bó Sinh		
65	Công trình Nhà văn hoá bản Da, xã Bó Sinh	Xã Bó Sinh		
66	Công trình Nhà văn hoá bản Bó Sinh B, xã Bó Sinh	Xã Bó Sinh		
67	Công trình Nhà văn hoá bản Huổi Tình, xã Bó Sinh	Xã Bó Sinh		
68	Công trình Nhà văn hoá bản Pá Ngây, xã Bó Sinh	Xã Bó Sinh		
69	Dự án điện nông thôn, điện không an toàn trên địa bàn huyện Sông Mã	Huyện Sông Mã		
VIII	Huyện Sốp Cộp		10.111	
1	Đường giao thông trung tâm Sốp Cộp - Cửa Khẩu Lạnh Bành (đoạn Km11) đi bản Nậm Lạnh, xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh		

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
2	Đường giao thông Púng Bánh - Mường Lèo (đoạn Km8) đi bản Phá Thóng, xã Púng Bánh	Xã Púng Bánh		
3	Công trình giao thông trung tâm xã Sam Kha đi bản Pu Sút, Ten Lán (đoạn Km5) đến bản Phá Thóng, xã Sam Kha	Xã Sam Kha		
4	Đường giao thông từ ngã ba đường Mường Lèo - Sam Quảng (Km1) đi bản Huổi Lán, xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo		
5	Đường giao thông từ bản Tông Hùm đến bản Huổi Pót, xã Mường Và	Xã Mường Và		
IX	Huyện Thuận Châu		37.910	
1	Nhà lớp học Trường TH Tông Cọ	Xã Tông Cọ		
2	Cầu cứng bản Phé	Xã Tông Cọ		
3	Cầu cạn Tin Nôm bản Lè	Xã Tông Cọ		
4	Đường giao thông bản Sai	Xã Chiềng Pha		
5	Đường giao thông bản Ta Khoang	Xã Chiềng Pha		
6	Nhà văn hoá bản Chợ Muồng	Xã Chiềng Pha		
7	Nhà văn hoá bản Sai	Xã Chiềng Pha		
8	Nhà văn hoá bản Nong Lào	Xã Chiềng Pha		
9	Nhà lớp học Trường MN Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha		
10	Nhà lớp học Trường TH-THCS Chiềng La	Xã Chiềng La		
11	Sửa chữa Nhà văn hoá bản Cát Lót	Xã Chiềng La		
12	Nhà lớp học trường TH Co Mạ 1	Xã Co Mạ		
13	Đường Trung tâm xã - Nà Hém - Sam Phổng - Huổi Lương - Thẳm Õn	Xã É Tòng		
14	Nhà bán trú Trường TH-THCS Co Tòng	Xã Co Tòng		

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
15	Nhà lớp học Trường TH Mường Bám 2	Xã Mường Bám		
16	Nhà lớp học Trường TH-THCS Long Hẹ	Xã Long Hẹ		
17	Đường vào bản Pá Ný	Xã Pá Lông		
18	Đường vào trường Tiểu học, MN xã Bản Lằm	Xã Bản Lằm		
19	Nhà văn hoá xã Phổng Lập	Xã Phổng Lập		
20	Thủy lợi bản Phăng	Xã Bon Phăng		
21	Thủy lợi phai Còi bản Dân Chủ	Xã Chiềng Pắc		
22	Nhà bán trú Trường THCS Chiềng Bôm + Trường rào + Nhà vệ sinh	Xã Chiềng Bôm		
23	Nhà văn hoá xã Púng Tra	Xã Púng Tra		
24	Nhà lớp học Trường TH-THCS Phổng Lằng (điểm TH)	Xã Phổng Lằng		
25	Nhà lớp học Trường THCS Chiềng Ngâm	Xã Chiềng Ngâm		
26	Nhà lớp học Trường THCS Nậm Lầu	Xã Nậm Lầu		
27	Nhà văn hoá bản Co Khiết	Xã Liệp Tè		
28	Nhà văn hoá xã Mường Khiêng	Xã Mường Khiêng		
29	Nhà văn hoá bản Nà Ten	Xã Bó Mười		
X	Huyện Vân Hồ		17.525	
1	Hoàn thiện tuyến đường từ TT xã Quang Minh đến bản Lòm	Xã Quang Minh		
2	Đường giao thông từ TT xã đến bản To Ngùi, xã Quang Minh	Xã Quang Minh		
3	Công trình đường giao thông liên bản Tàu Dầu - Un	Xã Song Khủa		
				81

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
4	Công trình Bờ kè + tường rào + cổng trường + sân trường Mầm non trung tâm, xã Song Khùa	Xã Song Khùa		
5	Công trình đường giao thông liên bản Nôn - bản Lán	Xã Liên Hòa		
6	Công trình đường lên trường mầm non bản Tân Thành	Xã Chiềng Xuân		
7	Công trình Bếp ăn điểm trường tiểu học Tân Thành, Nậm Dên	Xã Chiềng Xuân		
8	Công trình đường liên bản Suối mực - Pà Puộc	Xã Chiềng Yên		
9	Công trình đường từ bản Pơ Tào đi bản Hinh	Xã Mường Tè		
10	Công trình Nhà lớp học bộ môn trường TH & THCS Mường Tè	Xã Mường Tè		
11	Công trình thủy lợi bản Pơ Tào	Xã Mường Tè		
12	Xây dựng cầu trần bản Pua Lai	Xã Suối Bàng		
13	Công trình đường Liên Bản ám - Chiềng đa - bản Sôi	Xã Suối Bàng		
14	Công trình Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi bản Thín	Xã Xuân Nha		
15	Nâng cấp sửa chữa Trạm Truyền thanh - Truyền hình xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha		
16	Công trình Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng + nhà vệ sinh của trường THCS Xuân Nha	Xã Xuân Nha		
17	Hệ thống mương phai bản Lóng Luông, Suối Bon, xã Lóng Luông	Xã Lóng Luông		
XI	Huyện Yên Châu		16.427	
1	Nhà văn hoá bản Thín, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Xã Sập Vạt		
2	Nhà văn hoá bản Pá Sang, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Xã Sập Vạt		
3	Nhà văn hoá xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Xã Sập Vạt		
4	Nhà văn hoá bản Khá, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Xã Sập Vạt		

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
5	Nhà văn hoá bản Nghè, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Xã Sập Vạt		
6	Bổ sung cơ sở vật chất trường Mầm non Hòa Bình, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Xã Sập Vạt		
7	Nâng cấp đường từ ngã ba Ôn Ốc - bản Dào, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Xã Mường Lựm		
8	Nhà văn hoá bản Mường Lựm, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Xã Mường Lựm		
9	Nhà văn hoá bản Mé, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Xã Mường Lựm		
10	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Mầm non Sao Mai, xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Xã Tú Nang		
11	Nâng cấp đường Bó Mon - Cay Ton, xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Xã Tú Nang		
12	Nâng cấp đường từ trung tâm xã Chiềng Tương - Đìn Chí, Pom Khóc, xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu	Xã Chiềng Tương		
13	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Mầm non Hoa Mai, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Xã Phiêng Khoài		
14	Nhà văn hoá bản Cò Chia, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Xã Yên Sơn		
15	Nhà văn hoá bản Kim Sơn 1, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Xã Yên Sơn		
16	Nhà văn hoá bản Nhôm, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Xã Chiềng Đông		
17	Nhà văn hoá xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Xã Chiềng Đông		
18	Nâng cấp đường từ QL6 - Thèn Luông, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Xã Chiềng Đông		
19	Nhà văn hoá bản Nà Đít, xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Xã Chiềng On		
20	Nhà văn hoá bản Đìn Chí, xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Xã Chiềng On		

Biểu số 07
DỰ ÁN 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG BÀN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NĂM 2022
 (Kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng				
STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
A	Tổng số			
I	Huyện Bắc Yên		1.183	
1	Đường bê tông từ khu 1 đến khu 3 bản Pa Nó (giai đoạn 1)	Xã Mường Khoa		
2	Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hoá bản Khọc B	Xã Mường Khoa		
3	Đường bê tông từ TL 112 đến nhóm hộ ông Mùa A Ninh, Mùa A Dơ	Xã Phiêng Ban		
4	Nhà văn hoá bản Mới	Thị trấn Bắc Yên		
5	Tuyến đường từ trục đường QL37 - Hồng Ngài lên bề nước Bản Mới	Thị trấn Bắc Yên		
6	Tuyến đường từ lớp học mầm non bản Mới xuống nhà ông Mùa A Dưa điểm cuối	Thị trấn Bắc Yên		
7	Tuyến đường từ Nhà văn hoá bản mới đến nhà ông Mùa A Cho	Thị trấn Bắc Yên		
II	Huyện Mai Sơn		2.367	
1	Công trình Nhà văn hoá bản Nong Mòn, xã Cò Nòi	Xã Cò Nòi		
2	Công trình Nhà văn hoá bản Tường Chung, xã Chiềng Chung	Xã Chiềng Chung		
3	Công trình đường nội bản Tong Tãi B, xã Chiềng Chăn	Xã Chiềng Chăn		
4	Công trình đường đi khu sản xuất bản Quỳnh Châu, xã Mường Bằng	Xã Mường Bằng		
5	Công trình Nhà văn hoá bản Lo, xã Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung		
III	Huyện Mộc Châu		4.733	

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	Đường giao thông đến bản Suối Khua, xã Nà Mường	Xã Nà Mường		
2	Đường giao thông từ trung tâm bản Cò Lù đến cụm dân cư Pá Đông, xã Chiềng Hắc	Xã Chiềng Hắc		
3	Đường giao thông nội bản Đồng Giăng, xã Quy Hương	Xã Quy Hương		
4	Đường giao thông nội bản Pa Phách 2, xã Đông Sang	Xã Đông Sang		
5	Đường giao thông khu Suối Lán đến bản Suối Ngõa, xã Hua Păng	Xã Hua Păng		
6	Đường giao thông liên bản Co cháy - Pu Nhan, xã Lóng Sập	Xã Lóng Sập		
7	Đường giao thông liên bản A Lá - Pha Nhên, xã Lóng Sập	Xã Lóng Sập		
8	Đường giao thông nội đồng bản Dân quân, xã Chiềng Sơn	Xã Chiềng Sơn		
IV	Huyện Mường La		2.603	-
1	Tuyến đường trục bản từ đầu điểm trường học đến nhà ông Lữ, bản Pá Xúm	Xã Mường Bú		
2	Xây dựng khuôn viên nhà văn hóa+ Sân thể thao bản Pá Xúm	Xã Mường Bú		
3	Nhà văn hóa bản Huổi Hào	Xã Mường Bú		
4	Đường nội bản Pá Xúm	Xã Mường Bú		
5	Công trình đường nội đồng bản Huổi Muôn	Xã Mường Trai		
6	Từ đường vành đai Nậm Giôn đến Bản Huổi Ban	Xã Mường Trai		
7	Mở rộng và xây đắp tràn đường giao thông bản Nà Nong lên nghĩa trang nhân dân bản Nà Nong	Thị trấn Ít Ong		
8	Sửa chữa, nâng cấp đường tiểu khu Nang Cau	Thị trấn Ít Ong		
9	Đường giao thông bản Nà Tòng (giáp nhà máy may đi vào UBND thị trấn)	Thị trấn Ít Ong		
10	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Ta po, tiểu khu Phiêng Tìn	Thị trấn Ít Ong		

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
11	Đường giao thông nông thôn từ bản Nong Chạy đến bản Nà Thước	Xã Mường Chùm		
12	Nhà văn hóa bản Nong Buồi	Xã Mường Chùm		
V	Huyện Phù Yên		3.314	
1	Làm mới đường bê tông từ đầu cầu treo đi bản Suối lèo, xã Tân Lang	Xã Tân Lang		
2	Cầu qua suối bản Đu Lau, xã Tân Lang	Xã Tân Lang		
3	Xây dựng rãnh thoát nước đường vào bản Suối lèo, xã Tân Lang	Xã Tân Lang		
4	Nâng cấp Đường giao thông nội bản Núi Hồng, xã Huy Thượng	Xã Huy Thượng		
5	Cải tạo, nâng cấp Đường GT liên bản Cù 1 lên bản Suối Cù, xã Huy Tân	Xã Huy Tân		
6	Đường giao thông bản Suối Gióng, xã Quang Huy	Xã Quang Huy		
7	Đường giao thông bản Suối Ó, Xã Quang Huy	Xã Quang Huy		
8	Đường giao thông bản Suối Ngang, xã Quang Huy	Xã Quang Huy		
9	Đường bê tông nội bản Suối Bực, xã Mường Cơi	Xã Mường Cơi		
10	Đường bê tông từ điểm nối bản Bàu vào Suối Cóc	Xã Mường Cơi		
11	Đường nội bản bản Sáy Tú, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc		
VI	Huyện Quỳnh Nhai		1.420	
1	Công trình Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông bản Huổi Ngà	Xã Mường Giôn		
2	Công trình đường giao thông bản Huổi Vằn	Xã Mường Giôn		
3	Công trình Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông bản Hua Xanh	Xã Mường Giôn		
4	Công trình cầu tràn qua suối bản Huổi Tèo	Xã Mường Giôn		

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
5	Công trình sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội bản đồng tâm xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn		
6	Công trình thủy lợi bản Hậu xã Chiềng Khoang	Xã Chiềng Khoang		
VII	Huyện Sông Mã		947	
1	Công trình đường giao thông từ bản Mâm - bản Ten U, xã Chiềng Sơ	Xã Chiềng Sơ		
2	Công trình đường giao thông nội bản, bản Nà Luồng, xã Chiềng Sơ	Xã Chiềng Sơ		
3	Công trình đường giao thông từ bản Đứa - bản Huổi Cát, xã Chiềng Sơ	Xã Chiềng Sơ		
4	Công trình đường giao thông nội bản, bản Phụ xã Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương		
VIII	Huyện Sốp Cộp		1.420	
1	Công trình đường nội bản Tà Cọ, xã Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp		
2	Công trình đường giao thông liên bản Tóc Lù - Huổi Nó, xã Dòom Cang	Xã Dòom Cang		
IX	Huyện Thuận Châu		2.840	
1	Nhà văn hoá bản Cự	Xã Chiềng Ly		
2	Nhà văn hoá bản Nà Tong	Xã Chiềng Ly		
3	Đường giao thông bản Chùn	Xã Thôm Mòn		
X	Huyện Vân Hồ		1.657	
1	Nhà văn hoá bản Suối Liếm	Xã Tô Múa		
2	Nhà lớp học khu vực bản Chiềng Lè, Trường TH-THCS Chiềng Khoa	Xã Chiềng Khoa		
XI	Huyện Yên Châu		237	
1	Hệ thống thủy lợi phai Khẻ, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu	Xã Chiềng Sàng		

Biểu số 08

DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm đầu tư	Dự kiến quy mô	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
	TỔNG SỐ			55.953	CÔNG BÁO
I	Cấp tỉnh			46.031	SƠN LA/Số 22 + 23/
1	Trường PTDT nội trú Mường La	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà đa năng; cải tạo, sửa chữa: nhà đa năng cũ thành nhà ăn + nhà bếp		Ngày 30-09-2022
2	Trường PTDT nội trú Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng, nhà nội trú học sinh 3 tầng 36 phòng; các hạng mục phụ trợ		
3	Trường PTDT nội trú Thuận Châu	Huyện Thuận Châu	nhà lớp học 3 tầng 9 phòng, nhà nội trú học sinh 3 tầng 24 phòng; sửa chữa nhà bếp + nhà ăn		
4	Trường PTDT nội trú Vân Hồ	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	Nhà hiệu bộ, nhà đa năng, nhà công vụ giáo viên, các hạng mục phụ trợ		
5	Trường PTDT nội trú Sông Mã	Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	Nhà lớp học 4 tầng 16 phòng, nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng, 02 nhà bán trú học sinh 3 tầng 30 phòng, nhà ăn + bếp 2 tầng 400m2		
6	Trường PTDT nội trú Yên Châu	Thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu	Nhà nội trú học sinh 3 tầng 39 phòng; nhà ăn + nhà bếp; nhà vệ sinh học sinh		
7	Trường THPT Co Ma, huyện Thuận Châu	Xã Co Ma, huyện Thuận Châu	nhà bán trú 3 tầng 39 phòng; nhà ăn + nhà bếp 01 tầng; nhà vệ sinh + nhà tắm cho học sinh		

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm đầu tư	Dự kiến quy mô	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
8	Trường THPT Mộc Hạ, huyện Vân Hồ	Xã Tô Múa, huyện Vân Hồ	01 nhà ở bán trú học sinh 2 tầng, 30 phòng; nhà ăn + nhà bếp 01 tầng; nhà vệ sinh + nhà tắm cho học sinh		
II	Các huyện			9.922	
1	Huyện Thuận Châu			2.214	
	Trường THCS Mường Bám, huyện Thuận Châu	Huyện Thuận Châu	Nhà bán trú học sinh 2 tầng 16 phòng; nhà bếp và các hạng mục phụ trợ		
2	Huyện Bắc Yên			1.619	
	Trường PTDT bán trú TH Hang Chú, huyện Bắc Yên	Xã Hang Chú, Huyện Bắc Yên	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng; các hạng mục phụ trợ.		
3	Huyện Yên Châu			1.937	
	Trường PTDT bán trú THCS Chiềng On, huyện Yên Châu	Xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng; nhà bán trú học sinh 1 tầng 6 phòng; hạng mục phụ trợ		
4	Huyện Sốp Cộp			4.152	
	Trường PTDT bán trú TH và THCS Nậm Lạnh, Sốp Cộp	Xã Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp	02 nhà bán trú học sinh mỗi nhà 2 tầng 20 phòng + khu WC + phụ trợ điểm trường trung tâm và điểm bán Phông		

CÔNG BÁO SỞ LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022

Biểu số 09

DANH MỤC THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 9 NĂM 2022

Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

(Kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022				
STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Kế hoạch năm 2022
	Tổng			74.976
A	Cấp tỉnh			19.494
I	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp & PTNT tỉnh			19.494
1	Đường liên bản Huổi Lụ xã Liệp Tè (Thuận Châu) đến bản Huổi Hẹ xã Nậm É (Quỳnh Nhai)	Xã Nậm É, huyện Quỳnh Nhai	2,8 km GTNT C có chàm trước	
2	Đường từ trung tâm xã đi bản Tốm xã Nậm É	Xã Nậm É, huyện Quỳnh Nhai	11 km GTNT C có chàm trước	
3	Đường liên bản từ bản Pom Hán xã Nậm É đến bản Pha Đảo xã Mường Sại	Xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai	3,5 km GTNT C có chàm trước	
4	Đường từ bản Mường Pia (xã Chiềng Hoa) đến bản Nậm Hồng (xã Chiềng Công)	Xã Chiềng Công, huyện Mường La	8 km GTNT C có chàm trước	
5	Đường giao thông từ bản Lúa đến bản Pá Hát xã Pi Toong	Xã Pi Toong, huyện Mường La	8 km GTNT C có chàm trước	
6	Đường giao thông từ bản Mạo đến bản Nong Hùn, xã Chiềng Công	Xã Chiềng Công, huyện Mường La	6 km GTNT C có chàm trước	
7	Đường giao thông từ bản Phiêng Lờ đến bản Long Bong, xã Hua Trai	Xã Hua Trai, huyện Mường La	9,3 km GTNT C có chàm trước	

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
B	Cấp huyện			55.482	
I	Huyện Mường La			33.763	
1	Đường giao thông bản Huổi Liếng	Xã Nậm Pằm			
2	Nhà lớp học bản Lọng Bong (Huổi Nạ)	Xã Hua Trai			
3	Xây dựng nhà giáo viên tại bản Nong Hùn	Xã Chiềng Công			
4	Xây dựng nhà giáo viên tại bản Pá Xá Hồng	Xã Chiềng Ân			
5	Nhà ở giáo viên bản Huổi Ban	Xã Mường Trai			
6	Thủy lợi bản Huổi Liếng	Xã Nậm Pằm			
7	Thủy lợi bản Lọng Bong	Xã Hua Trai			
8	Nhà văn hóa bản Lọng Bong (Huổi Nạ)	Xã Hua Trai			
9	Xây dựng Nhà Công vụ giáo viên bản Kề, xã Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến			
10	Sửa chữa nâng cấp đường liên bản từ bản Huổi Lẹ đến bản Co Đưa	Xã Nậm Giôn			
11	Nhà công vụ giáo viên Bản Huổi Lẹ	Xã Nậm Giôn			
12	Thủy lợi bản Huổi Ban	Xã Mường Trai			
13	Nhà lớp học bản Nậm Hồng	Xã Chiềng Công			
14	Nhà lưu trú giáo viên Bản Nong Quài	Xã Chiềng Muôn			
15	Nhà ở giáo viên bản Lọng Bong (Huổi Nạ cũ)	Xã Hua Trai			
16	Nâng cấp tuyến đường giao thông bản Nong Quài	Xã Chiềng Muôn			
17	Nâng cấp thủy lợi Nậm khoa đến Nạ co Chom, bản Kề, xã Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến			

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
18	Xây mới nhà văn hóa bản bản Kề	Xã Ngọc Chiến			
19	Xây mới nhà lớp 2 phòng học bản Kề, xã Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến			
20	Sửa chữa, cứng hóa đường giao thông Nội bản Huổi Lẹ	Xã Nậm Giôn			
21	Cứng Hóa Đường giao thông nội bản, bản Mòn, xã Tạ Bú	Xã Tạ Bú			
22	Xây kè, tường bao, sân bê tông nhà văn hóa bản mòn	Xã Tạ Bú			
23	Xây dựng nhà hóp học bản Huổi Tóng	Xã Chiềng Lao			
24	Lớp học mầm non, tiểu học bản Chà Lào	Xã Pi Toong			
25	Cứng hóa đường giao thông nội bản bản Chà Lào	Xã Pi Toong			
26	Xây tường bao trường Mầm Non bản Chà Lào	Xã Pi Toong			
27	Cứng hóa đường giao thông lên bản Huổi Hóc	Xã Nậm Păm			
28	Đường giao thông vào bản Pá Xá Hồng	Xã Chiềng Ân			
29	Nhà văn hóa bản Pá Xá Hồng	Xã Chiềng Ân			
30	Cứng hóa đường Giao thông nội bản Pá Xá Hồng	Xã Chiềng Ân			
31	Sửa chữa, cứng hóa đường giao thông nông thôn bản co Đứa	Xã Nậm Giôn			
32	Công trình cầu bản Huổi Ngàn	Xã Nậm Giôn			
33	Nâng cấp thủy lợi Nong Hùn	Xã Chiềng Công			
34	Thủy lợi bản Pá Kìm	Xã Chiềng Muôn			
II	Huyện Quỳnh Nhai			8.231	
1	Nâng cấp đường nội bản Ten Che xã Mường Sại	Xã Mường Sại			

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
2	Nâng cấp đường vào điểm Pha Đảo (Huổi Tằm)	Xã Mường Sại			
3	Nâng cấp đường nội bản Pha Đảo xã Mường Sại	Xã Mường Sại			
4	Đường nội bản Huổi Hẹ xã Nậm É	Xã Nậm É			
5	Đường nội bản Tôm (Sàng) xã Nậm É	Xã Nậm É			
6	Nhà ở giáo viên bản Huổi Hẹ	Xã Nậm É			
7	Nhà lớp học mầm non bản Huổi Hẹ	Xã Nậm É			
8	Nhà ở giáo viên bản bản Tôm (Sàng)	Xã Nậm É			
9	Đường GTNT bản Huổi Hẹ đến bản Hào	Xã Nậm É			
10	Nhà lớp học mầm non bản Tôm (Sàng)	Xã Nậm É			
11	Nâng cấp đường vào điểm bản Huổi Hẹ	Xã Nậm É			
III	Thuận Châu			13.488	
1	Đường giao thông nội bản Song	Xã Chiềng La			
2	Đường giao thông bản Hán xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha			
3	Đường liên bản Hán - bản Nà Hèo, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha			
4	Đường giao thông bản Huổi Long	Xã Nong Lay			
5	Thủy lợi bản Hán	Xã Chiềng Pha			
6	Bếp ăn cho học sinh trường Mầm non Liệp Tè - Bản Hiến	Xã Liệp Tè			
7	Nhà lớp học trường Mầm Non Liệp Tè	Xã Liệp Tè			
8	Nhà lớp học trường Tiểu học Liệp tè	Xã Liệp Tè			
9	Nhà lớp học trường TH - THCS Nong Lay	Xã Nong Lay			

Biểu số 10
DANH MỤC DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng									
STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			CÔNG BẢO SƠN LA/Số 22 + 23/ Ngày 30-09-2022			
			Tổng số	Trong đó		Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022		
	Tổng số		291.840	241.670	50.170				
I	HUYỆN QUỲNH NHAI		21.256	9.873	11.383				
1	Xã Mường Giôn								
-	Thủy lợi bản Ta Lăm xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn						x	
-	Công trình thủy lợi bản Huổi Mạn (nhóm Pá Mạn, Huổi Mạn)	Xã Mường Giôn						x	
-	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới thêm thủy lợi bản Xa	Xã Mường Giôn						x	
-	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Cha Có xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn					x		
2	Xã Chiềng Khay								
-	Nhà lớp học mầm non 1T2P bản Nậm Tấu xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay					x		
-	Nhà lớp học tiểu học bản Pá Pó	Xã Chiềng Khay					x		
-	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản có Nọi xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay					x		
3	Xã Cà Nàng								
-	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Cà Nàng xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng					x		

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
-	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Lò Cù (điểm Nậm Lò) xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng		x		CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022
-	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Pho Pha (điểm Huổi Pho) xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng		x		
4	Xã Mường Sại					
-	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Pha Giáo (điểm bản Nà Phi) xã Mường Sại	Xã Mường Sại		x		
5	Xã Nậm Ét					
-	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Cà Póng xã Nậm Ét	Xã Nậm Ét		x		
-	Nâng cấp sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Giáng Ún xã Nậm Ét	Xã Nậm Ét		x		
6	Xã Chiềng Ôn					
-	Đầu tư một phòng học mới điểm TĐC Lóm Lầu	Xã Chiềng Ôn			x	
-	Chỉnh trang khu trung tâm xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn			x	
7	Xã Pá Ma Pha Khinh					
-	Thủy lợi bản Khúm xã Pá Ma Pha Khinh	Xã Pá Ma Pha Khinh			x	
-	Xây dựng mới hai kênh mương Long Hu - Na Khá	Xã Pá Ma Pha Khinh			x	
-	Nâng cấp sửa chữa kênh mương bản Kịch Máng	Xã Pá Ma Pha Khinh			x	
-	Sân vận động xã Pá Ma Pha Khinh	Xã Pá Ma Pha Khinh			x	
-	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Khúm xã Pá Ma Pha Khinh	Xã Pá ma Pha Khinh			x	
8	Xã Mường Giàng					95

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
-	Nhà văn hóa bản Hua Nặm	Bản Hua Nặm		x		CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022
5	Xã Chiềng Hoa					
-	Đường nội bộ bản Nọng Sắn - xã Chiềng Hoa	Bản Nọng Sắn		x		
6	Xã Tạ Bú					
-	Nhà văn hóa bản Tạ Búng	Bản Tạ Búng		x		
-	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Tôm	Bản Tôm		x		
7	Xã Chiềng Ân					
-	Thủy lợi Tạ Lạ	Bản Tạ Lạ		x		
8	Xã Chiềng Công					
-	Sửa chữa tuyến đường từ trung tâm xã vào 5 bản (Nậm Hồng, Kho Lao Trên, Tóc Tát Trên, Tóc Tát Dưới, Hấn Cá Thịnh)	Xã Chiềng Công		x		
9	Xã Chiềng Muôn					
-	Thủy lợi Hua Đán	Bản Hua Đán		x		
10	Xã Pì Toong					
-	Thủy lợi bản Noong Pì xã Pì Toong	Bản Noong Pì		x		
11	Xã Hua Trai					
-	Nhà văn hóa bản Đông Khít	Bản Đông Khít		x		

97

STT		Tiêu chí, danh mục dự án		Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
-		Công trình thủy lợi Nà Lường		Bản Nà Lường		x		
12		Xã Chiềng Lao						
-		Sửa chữa nhà văn hóa Nà Léch		Bản Nà Léch		x		
-		Nhà văn hóa bản Pá Sóng, xã Chiềng Lao		Bản Pá Sóng		x		
13		Xã Nậm Giôn						
-		Nước sinh hoạt bản Nậm Cùm		Bản Nậm Cùm		x		
-		Sửa chữa nhà lớp học bản Huổi Chèo		Bản Huổi Chèo		x		
14		Xã Chiềng San						
-		Sửa chữa thủy lợi bản Nong Luồng		Bản Nong Luồng		x		
-		Sửa chữa nước sinh hoạt bản Lâm		Bản Lâm		x		
III		HUYỆN SÓP CỘP			12.004	11.161	843	
1		Xã Sốp Cộp						
-		Đường áp phan khu trung tâm hành chính huyện (khu Nà Phe, khu trung tâm chợ, ...)		Xã Sốp Cộp		x	x	
-		Nhà văn hóa bản Hua Mường, xã Sốp Cộp		Xã Sốp Cộp		x	x	
-		Nhà văn hóa bản Pá Hóc, xã Sốp Cộp		Xã Sốp Cộp		x	x	
2		Xã Mường Lạn						
-		Thủy lợi Phai Nà Phụ bản Nà Ân xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp		Xã Mường Lạn		x		

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
-	Nước sinh hoạt bản Nậm Lạn, xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	Xã Mường Lạn		x		
3	Xã Mường Và					
-	Nước sinh hoạt bản Púng Páng xã Mường và, huyện Sốp Cộp	Xã Mường và		x		
4	Xã Dòom Cang					
-	Nước sinh hoạt bản Huổi Yên, xã Dòom Cang	Xã Dòom Cang		x	x	
	Nước sinh hoạt trung tâm xã Dòom Cang	Xã Dòom Cang		x	x	
5	Xã Mường Lèo					
	Thủy lợi Nà Chòm, xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp (giai đoạn 2)	Xã Mường Lèo		x		
IV	THÀNH PHỐ SƠN LA		4.254	2.146	2.108	
1	Xã Chiềng Cọ					
-	Đường đi vào khu sản xuất tập trung bản Muông, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Cọ		x		
-	Thủy lợi, kênh mương bản Hùn (giai đoạn 2), xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Cọ		x		
-	Thủy lợi, kênh mương bản Hóm (giai đoạn 2), xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Cọ		x		
2	Xã Chiềng Đen					
-	Đường giao thông trục bản Giáng, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen			x	
-	Đường giao thông trục bản Bôm Nam, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen			x	
-	Đường giao thông ngõ bản Phiêng Tam, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen			x	
						99

00

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
-	Đường giao thông ngõ bản Páng, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen			x	
-	Đường giao thông ngõ bản Nam Niệu, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen			x	
-	Đường giao thông ngõ bản Phiêng Nghè, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen			x	
3	Xã Hua La					
-	Đường giao thông trục bản Sàng (giai đoạn 3), xã Hua La, thành phố Sơn La	Xã Hua La			x	
-	Đường giao thông trục bản Nẹ Tở, xã Hua La, thành phố Sơn La	Xã Hua La			x	
-	Đường giao thông trục bản Nam, xã Hua La, thành phố Sơn La	Xã Hua La			x	
-	Đường giao thông trục bản San (giai đoạn 2), xã Hua La, thành phố Sơn La	Xã Hua La			x	
4	Xã Chiềng Xôm					
-	Hệ thống mương thủy lợi bản Tông - bản Hụm, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Xôm		x		
-	Hệ thống mương tưới tiêu bản Sắng, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Xôm		x		
-	Đập thủy lợi bản Ái, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Xôm		x		
V	HUYỆN MAI SƠN		31.589	21.892	9.697	
1	Xã Mường Bàng					
-	Trường TH-THCS Mường Bàng. Hạng mục: Nhà chức năng + lớp học 8P	Xã Mường Bàng			x	
2	Xã Chiềng Mung					
-	Nhà văn hóa xã Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung			x	

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
-	Kênh mương bản Lo	Xã Chiềng Mung			x	CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022
-	Kênh mương bản Xum	Xã Chiềng Mung			x	
-	Nhà văn hóa thôn Đoàn Kết	Xã Chiềng Mung			x	
-	Nhà văn hóa bản Lầu	Xã Chiềng Mung			x	
-	Nhà văn hóa bản Xum	Xã Chiềng Mung			x	
-	Đường nội bản Nà Sang (QL6B đến nhà ông Liên)	Xã Chiềng Mung			x	
-	Đường nội bản Bản Đức Hân (QL6 đến nhà ông Vinh)	Xã Chiềng Mung			x	
-	Đường nội bản Bản Phát (từ nhà ông Hà Văn Sam đến nhà Hà Văn Hồng)	Xã Chiềng Mung			x	
-	Đường nội bản Nà Hạ 2 đoạn (từ nhà ông Bích đến nhà ông Phanh), đoạn (QL6B đến nhà văn hóa), đoạn (từ nhà ông Diên đến nhà ông Chương)	Xã Chiềng Mung			x	
-	Kênh mương bản Bôm Cưa, xã Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung			x	
-	Đường Bản Nà Hạ 1 đoạn (QL6 đến nhà ông In), đoạn (nhà ông Toán đến nhà ông Hiệu), đoạn (QL6 đến nhà ông Hoán)	Xã Chiềng Mung			x	
-	Đường nội bản Nong Phụ (ngã tư bản đến nhà ông Thông)	Xã Chiềng Mung			x	
3	Xã Mường Chanh					
-	Nhà văn hóa bản Đen	Xã Mường Chanh			x	
4	Xã Tà Hộc					
-	Nước sinh hoạt trung tâm xã	Xã Tà Hộc		x		101

02

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
5	Xã Phiêng Pản					
-	Đường nội bản Xà Nà Pòng	Xã Phiêng Pản		x		
-	Trường mầm non Phiêng Pản điểm trung tâm	Xã Phiêng Pản		x		
6	Xã Phiêng Cầm					
-	Trạm thu phát lại truyền thanh xã	Xã Phiêng Cầm		x		
7	Xã Chiềng Kheo					
-	Nhà văn hóa xã Chiềng Kheo	Xã Chiềng Kheo		x		
8	Xã Chiềng Ve					
-	Trường TH-THCS Chiềng Ve điểm bản Khiềng	Xã Chiềng Ve		x		
9	Xã Nà Ót					
-	Đường nội bản Xà Vịt	Xã Nà Ót		x		
-	Đường nội bản Lụng Cuống	Xã Nà Ót		x		
10	Xã Chiềng Nọi					
-	Nhà văn hóa bản Huổi Do	Xã Chiềng Nọi		x		
-	Nhà văn hóa bản Cho Cong	Xã Chiềng Nọi		x		
-	Nhà văn hóa bản Nhụng Trên	Xã Chiềng Nọi		x		
11	Xã Chiềng Lương					

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
-	Trường mầm non Chiềng Lương, điểm trường trung tâm	Xã Chiềng Lương		x		
12	Xã Chiềng Mai					
-	Đường đến bản Puồn Vạy	Bản Puồn Vạy, xã Chiềng Mai		x		
-	Đường nội bản Cơi Quỳnh	Xã Chiềng Mai		x		
-	Thủy lợi bản Co Sâu	Xã Chiềng Mai		x		
13	Xã Chiềng Dong					
-	Công trình Mường phai bản Nà Khoang	Xã Chiềng Dong		x		
-	Mường phai bản Liềng	Xã Chiềng Dong		x		
14	Công trình điện cho các hộ sử dụng không an toàn tại các xã			x	x	
VI	HUYỆN MỘC CHÂU		18.719	9.444	9.275	
1	Xã Tân Hợp					
-	Nhà văn hóa xã Tân Hợp	Xã Tân Hợp		x		
-	Nhà văn hóa bản Nà Mường, xã Tân Hợp	Xã Tân Hợp		x		
-	Nhà hiệu bộ Trường PTDT BT Tiểu học & THCS xã Tân Hợp	Xã Tân Hợp		x		
-	Đường giao thông bản Nà Sánh đến Sao Tua, xã Tân Hợp	Xã Tân Hợp		x		
2	Xã Tà Lại					
						103

																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		</	
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----	--

STT		Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		
					Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
10	Xã Chiềng Sơn						
-	Đường giao thông nội đồng bản Suối Thín		Xã Chiềng Sơn			x	
VII	HUYỆN YÊN CHÂU			20.573	18.887	1.686	
1	Xã Sập Vạt						
-	Nhà văn hoá bản Bất Đông		Bản Bất Đông, xã Sập Vạt		x		
-	Nhà văn hoá bản Na Pa		Bản Na Pa, xã Sập Vạt		x		
-	Công trình nước sinh hoạt bản Pá Sang		Bản Pá Sang, xã Sập Vạt		x		
-	Công trình nước sinh hoạt bản Nhúng		Bản Nhúng, xã Sập Vạt		x		
2	Xã Lóng Phiêng						
-	Nhà văn hoá bản Pa Sa		Bản Pa Sa, xã Lóng Phiêng		x		
-	Nhà văn hóa bản Cò Chĩa xã Lóng Phiêng		Xã Lóng Phiêng		x		
3	Xã Yên Sơn						
-	Nhà văn hoá Kim Sơn II		Bản Kim Sơn II, xã Yên Sơn		x		
-	Nhà văn hoá bản Chiềng Yên		Bản Chiềng Yên, xã Yên Sơn		x		
4	Xã Chiềng Hặc						

06

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
-	Trường THCS Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc		x		
5	Xã Tú Nang					
-	Nhà văn hoá bản Suối Phà	Bản Suối Phà, xã Tú Nang		x		
6	Xã Phiêng Khoài					
-	Nhà Văn hoá bản Kim Chung 1 xã Phiêng Khoài	Bản Kim Chung 1, xã Phiêng Khoài		x		
7	Xã Chiềng Tương					
-	Nhà Văn hoá bản Pa Kha 2 xã Chiềng Tương	Bản Pa Kha 2, xã Chiềng Tương		x		
8	Xã Chiềng Khoi					
-	Nhà Văn hoá bản Ngòang Xã Chiềng Khoi	Bản Ngòang, xã Chiềng Khoi			x	
9	Xã Viêng Lán					
-	Nhà văn hoá Bản Kho Vàng xã Viêng Lán	Bản Kho Vàng, xã Viêng Lán			x	
VIII	HUYỆN PHÙ YÊN		37.667	31.765	5.902	
1	Xã Tường Thượng					
-	Nhà văn hóa bản Đồng La	Xã Tường Thượng		x		

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
-	Nhà văn hóa bản Cha	Xã Tường Thượng		x		CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022
-	Nhà văn hóa bản Khoa 1	Xã Tường Thượng		x		
-	Nhà văn hóa bản Thon	Xã Tường Thượng		x		
-	Đường nội Bản Khoa 2 (đi Kim Bon)	Xã Tường Thượng		x		
2	Xã Mường Thái					
-	Trường mầm non bản Suối Tàu	Xã Mường Thái		x		
-	Nhà văn hóa bản Văn Phúc Yên	Xã Mường Thái		x		
3	Xã Huy Tường					
-	Đường vào trường tiểu học Huy Tường	Xã Huy Tường		x		
-	Nhà văn hóa bản Tiến Phong	Xã Huy Tường		x		
4	Xã Bắc Phong					
-	Cấp nước sinh hoạt từ suối Cối đến bản Bura Đa, xã Bắc Phong	Xã Bắc Phong		x		
5	Xã Tường Tiến					
-	Sửa chữa điểm trường bản Cột Móc trường mầm non Thủy Tiên xã Tường Tiến	Xã Tường Tiến		x		
-	Cấp nước sinh hoạt bản Pa, xã Tường Tiến	Xã Tường Tiến		x		
6	Xã Suối Bau					
-	Nước sinh hoạt bản Suối Cáy, Suối Hiền	Xã Suối Bau		x		107

08		Ghi chú		CÔNG BẢO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022				
STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Tổng số	Trong đó	
			Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022				
7	Xã Tường Phù							
-	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường TH & THCS Tường Phù	Xã Tường Phù			x			
-	Xây dựng chợ xã Tường Phù	Xã Tường Phù			x			
8	Xã Tân Lang							
-	Trường mầm non bản Mỏ	Xã Tân Lang		x				
-	Nâng cấp, sửa chữa trường mầm non bản Cà	Xã Tân Lang		x				
-	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa bản Đu Lan	Xã Tân Lang		x				
9	Xá Mường Cơi							
-	Nhà văn hoá bản Nghĩa Hưng	Xã Mường Cơi			x			
10	Xá Huy Thượng							
-	Xây dựng đường giao thông liên bản: Bản Ban - bản Tân Ban - bản Núi Hồng	Xã Huy Thượng		x				
-	Đường vào trường THCS Huy Thượng	Xã Huy Thượng		x				
-	Nhà văn hóa bản Ban	Xã Huy Thượng			x			
-	Nhà văn hóa bản Núi Hồng	Xã Huy Thượng			x			
11	Xã Huy Bắc							
-	Đường Bản Tọ Thượng - Bản Sáy Tu	Xã Huy Bắc			x			
12	Xã Huy Tân							

STT		Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		
					Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
-	-	Nhà văn hóa bản Pưôi 2	Xã Huy Tân			x	
-	-	Nhà văn hóa bản Cù 1	Xã Huy Tân			x	
-	-	Nhà văn hóa bản Cù 2	Xã Huy Tân			x	
-	-	Nhà văn hóa bản Kim Phong	Xã Huy Tân			x	
IX		HUYỆN VĂN HỒ		21.440	20.175	1.265	
1		Xã Chiềng Xuân					
-		Đầu tư nước sinh hoạt Khò Hồng	Xã Chiềng Xuân		x		
2		Xã Suối Bàng					
-		Đầu tư nước sinh hoạt bản Khoang Tuổng, xã Suối Bàng	Xã Suối Bàng		x		
3		Xã Lóng Luông					
-		Nhà lớp học 1T2P điểm trường Tiểu học bản Lóng Luông	Xã Lóng Luông		x		
-		Nhà lớp học 2T8P trường Tiểu học Lóng Luông	Xã Lóng Luông		x		
6		Xã Xuân Nha					
-		nhà lớp học 1 tầng 2 phòng của điểm trường mầm non bản Pù lâu	Xã Xuân Nha		x		
7		Xã Song Khủa					
-		Nhà lớp học 2T4P điểm trường tiểu học trung tâm	Xã Song Khủa		x		
8		Xã Mường Men					
							109

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022

10		CÔNG BAO SƠN LA/Sô 22 + 23/			Ngày 30-09-2022				
STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú			
			Tổng số	Trong đó					
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022				
-	Nhà văn hóa xã Mường Men	Xã Mường Men		x					
9	Xã Mường Tè								
-	Hệ thống tường bao xung quanh UBND xã	Xã Mường Tè		x					
-	Nhà lớp học 1T4P điểm trường TH Pơ Tào	Xã Mường Tè		x					
10	Xã Vân Hồ								
-	Nhà văn hóa xã Vân Hồ	Xã Vân Hồ			x				
11	Xã Song Khũa								
-	Xây dựng nhà bia tưởng niệm di tích lịch sử khu căn cứ tỉnh đội bản Tà lặc	Xã Song Khũa		x					
X	HUYỆN THUẬN CHÂU		47.984	42.924	5.060				
1	Xã Tông Cọ								
-	Cầu cạn Tân Nôm bản Lè	Xã Tông Cọ		x					
-	Nước sinh hoạt bản Phé	Xã Tông Cọ		x					
2	Xã Pá Lông								
-	Đường vào bản Tịa	Xã Pá Lông		x					
3	Xã Phổng Lãng								
-	Đường nội đồng bản Công	Xã Phổng Lãng		x					
-	Nhà lớp học 2T8P trường TH-THCS Phổng Lãng (điểm TH)	Xã Phổng Lãng		x					

STT		Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		
					Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
4	Xã Bó Mười						
-	Sửa chữa thủy lợi phai Hán, bản Tra, xã Bó Mười		Xã Bó Mười		x		
5	Xã Chiềng Pha						
-	Nhà lớp học Trường MN Chiềng Pha		Xã Chiềng Pha		x		
6	Xã Chiềng Ly				x		
-	Nhà lớp học 2T8P Trường TH Chiềng Ly		Xã Chiềng Ly			x	
7	Xã Co Mạ				x		
-	Nhà lớp học trường TH Co Mạ 1		Xã Co Mạ				
8	Xã É Tòng				x		
-	Nhà lớp học trường MN É Tòng		Xã É Tòng		x		
9	Xã Mường Bám				x		
-	Nhà lớp học 2T8P Trường TH Mường Bám 2		Xã Mường Bám		x		
10	Xã Long Hẹ				x		
-	Nhà lớp học 1T2P Trường MN Long Hẹ		Xã Long Hẹ		x		
11	Xã Thôm Mòn						
-	Nhà lớp học 2T10P Trường TH-THCS Thôm Mòn		Xã Thôm Mòn			x	
12	Xã Chiềng Ngăm						111

12		CÔNG BAO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022				
STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
-	Nhà lớp học 2T6P Trường THCS Chiềng Ngâm	Xã Chiềng Ngâm		x		
13	Xã Nậm Lầu					
-	Nhà lớp học 2T6P Trường THCS Nậm Lầu	Xã Nậm Lầu		x		
14	Xã Co Tòng					
-	Nhà văn hóa bản Co Cài	Xã Co Tòng		x		
15	Xã Muối Nội					
-	Nhà văn hóa bản Muối Nội A	Xã Muối Nội		x		
16	Xã Mường É					
-	Nhà văn hóa xã Mường É	Xã Mường É		x		
17	Xã Nong Lay					
-	Nhà văn hóa bản Cửa Hàng	Xã Nong Lay		x		
-	Nâng cấp Nhà văn hóa Liên Minh	Xã Nong Lay		x		
18	Xã Chiềng Pác					
-	Nhà văn hóa bản Lĩnh Luông	Xã Chiềng Pác		x		
19	Xã Chiềng Bôm					
-	Nhà văn hóa bản Lái	Xã Chiềng Bôm		x		
-	Nhà văn hóa bản Pom Khoảng	Xã Chiềng Bôm		x		

STT		Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		
					Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
20		Xã Púng Tra					
-		Nhà văn hóa xã Púng Tra	Xã Púng Tra		x		
-		Sửa chữa Nước sinh hoạt bản Nà Mắt (cũ)	Xã Púng Tra		x		
21		Xã Mường Khiêng					
-		Nhà văn hóa xã Mường Khiêng	Xã Mường Khiêng		x		
22		Xã Liệp Tè					
-		Trạm y tế xã Liệp Tè (nhà lưu bệnh nhân)	Xã Liệp Tè		x		
23		Xã Chiềng La					
-		Nước sinh hoạt bản Cát Lót (điểm bản Cát)	Xã Chiềng La		x		
24		Xã Bản Lằm					
-		Sửa chữa Nước sinh hoạt bản Dắt	Xã Bản Lằm		x		
25		Xã Phổng Lập					
-		Sửa chữa Nước sinh hoạt Mầu Thái, Mầu Xá	Xã Phổng Lập		x		
26		Xã Bon Phặng					
-		Sửa chữa Nước sinh hoạt bản Trai	Xã Bon Phặng		x		
27		Xã Phổng Lái					
-		Đường vào bản Lái Kính, bản Cang	Xã Phổng Lái			x	
							113

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022

4		Ghi chú		CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022					
STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú			
			Tổng số	Trong đó					
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022				
28	Xã Tông Lạnh								
-	Mường nội đồng bản Cuông Muồng	Xã Tông Lạnh			x				
XI	HUYỆN BẮC YÊN		24.023	23.180	843				
1	Xã Hồng Ngài								
-	Nhà Văn hóa bản Đung Giàng sau sáp nhập	Xã Bản Đung Giàng		x					
2	Xã Pắc Ngà								
-	Đường bê tông Nà Sài - bản Áng	Xã Nà Sài - Bản Áng		x					
3	Xã Phiêng Côn								
-	Đổ bê tông đường đi vào nhóm hộ suối Tằng của bản En GĐII	Xã Bản En		x					
-	Đường trục chính bản Kỳ Sơn (giai đoạn 4)	Xã Bản Kỳ Sơn		x					
-	Xây mới nhà văn hóa bản Kỳ Sơn	Xã Bản Kỳ Sơn		x					
4	Xã Chiềng Sại								
-	Đường liên bản Co Muồng - Suối Trắng - Nậm Lin - ngã ba trục Co Muồng - Mồm Bò (bản Nà Dòn) (giai đoạn 2)	Bản Co Muồng - Suối Trắng - Nậm Lin - Nà Dòn		x					
5	Xã Hua Nhàn								
-	Nhà văn hóa bản bản Hồ Sen	Xã Hua Nhàn							
6	Xã Hang Chú								

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
-	Đổ bê tông đường trục chính bản Pa Cư Sáng đi Suối Lênh, Nậm Lộng (giai đoạn 2)	Xã Hang Chú		x		CÔNG BÁO SƠN LA/Sô 22 + 23/Ngày 30-09-2022
7	Xã Làng Chếu					
-	Đường bê tông từ khu 2 bản Háng Cao đến Trung tâm xã	Bản Háng Cao		x		
8	Xã Chím Vàn					
-	Nhà văn hóa bản Suối Cài	Bản Suối Cài		x		
9	Xã Song Pe					
-	Nhà văn hóa bản Pe	Bản Pe		x		
10	Xã Tà Xùa					
-	Nâng cấp đường từ công chào đi qua Trụ sở UBND xã đến bản Bẹ	Bản Bẹ		x		
-	Nâng cấp đường từ Tỉnh lộ 112 xuống Tà Xùa Hill vào khu Chung Chính	Bản Chung Chính		x		
11	Xã Háng Đồng					
-	Thủy lợi bản Chổng Tra, xã Háng Đồng (giai đoạn 2)	Bản Chổng Tra		x		
12	Xã Xím Vàng					
-	Thủy lợi Phình Hồ - Háng Là	Bản Phình Hồ		x		
13	Xã Tà Khoa					
-	Nhà văn hóa bản Tân Tiến	Bản Tân Tiến		x		
14	Xã Mường Khoa					115

16		Ghi chú		CÔNG BẢO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022			
STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó			
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022		
-	Nhà văn hóa bản Pa Nó	Xã Mường Khoa			x		
-	Nâng cấp đường nội bản xã Mường Khoa	Xã Mường Khoa		x			
15	Xã Phiêng Ban						
-	Sửa chữa nhà văn hóa bản Bụa A thành Nhà văn hóa bản Phiêng Ban	Bản Phiêng Ban			x		
-	Đường bê tông vào nhóm hộ Mông bản Cao Đa 2	Bản Cao Đa 2			x		
XII	HUYỆN SÔNG MÃ		29.174	28.331	843		
1	Xã Mường Lầm						
-	Đường nội bản bản Sàng xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm		x			
-	Đường nội bản bản Mường Tợ xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm		x			
-	Đường nội bản bản Lầu xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm		x			
-	Đường nội bản bản Mường Nưa xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm		x			
-	Đường nội bản bản Mường Cang xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm		x			
2	Xã Nà Nghịu						
-	Đường liên bản từ nhà ông Hưng đến nhà ông Toàn bản Nà Hìn, xã Nà Nghịu	Xã Nà Nghịu		x			
3	Xã Pú Bấu						
-	Nâng cấp đường giao thông từ trụ sở UBND xã cũ đến trường Tiểu học và trường THCS Pú Bấu	Xã Pú Bấu		x			

STT		Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		
					Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
4	Xã Chiềng En						
-	Đường nội bản từ nhà ông Quân - Nhà ông Đình, bản Lung		Xã Chiềng En		x		
-	Nhà văn hóa bản Ten, xã Chiềng En		Xã Chiềng En		x		
5	Xã Chiềng Khoang						
-	Đường giao thông nội bản bản Púng Kiềng, xã Chiềng Khoang		Xã Chiềng Khoang		x		
-	Nhà văn hóa bản Xi Lô, xã Chiềng Khoang		Xã Chiềng Khoang		x		
6	Xã Mường Cai						
-	Đường giao thông từ Ngã ba đường đi Co Phường đến Trụ sở UBND xã		Xã Mường Cai		x		
-	Nhà văn hóa bản Sài Khao, xã Mường Cai		Xã Mường Cai		x		
7	Xã Chiềng Khương						
-	Đường giao thông nội bản bản Là, xã Chiềng Khương		Xã Chiềng Khương			x	
-	Đường giao thông nội bản bản Ten Pạnh, xã Chiềng Khương		Xã Chiềng Khương			x	
-	Nâng cấp đường giao thông từ QL 4G đến Trụ sở UBND xã Chiềng Khương		Xã Chiềng Khương			x	
8	Xã Bó Sinh						
-	Nâng cấp thủy lợi Phai Na Phóng bản Phóng, xã Bó Sinh		Xã Bó Sinh		x		
9	Xã Đứa Mòn						
-	Thủy lợi bản Huổi Pát, xã Đứa Mòn		Xã Đứa Mòn		x		

8		CÔNG BẢO SƠN LA/Số 22 + 23/Ngày 30-09-2022						
STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú		
			Tổng số	Trong đó				
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022			
-	Nhà văn hóa bản Púng Núa, xã Đứa Mòn	Xã Đứa Mòn		x				
10	Xã Nậm Ty							
-	Nhà văn hóa bản Phiêng Đìn, xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty		x				
-	Nhà văn hóa xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty		x				
11	Xã Yên Hưng							
-	Nhà văn hóa bản Lẹ, xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng		x				
-	Nhà văn hóa bản Nà Dĩa, xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng		x				
-	Nhà văn hóa bản Huổi, xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng		x				
12	Xã Mường Hung							
-	Nhà Văn hóa bản Phiêng Hoi - bản Lúa;, xã Mường Hung	Xã Mường Hung		x				
-	Nhà Văn hóa bản Bua Hin, xã Mường Hung	Xã Mường Hung		x				
-	Nhà Văn hóa bản Kéo Co, xã Mường Hung	Xã Mường Hung		x				
13	Xã Chiềng Cang							
-	Nhà văn hóa bản Nà Hỷ, xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang		x				
-	Nhà văn hóa bản Bó Lạ, xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang		x				
14	Xã Mường Sai							
-	Nhà văn hóa bản Tân Hống, xã Mường Sai	Xã Mường Sai		x				

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
-	Nhà văn hóa bản Nà Un Trong, xã Mường Sai	Xã Mường Sai		x		
15	Xã Chiềng Phung					
-	Nhà văn hóa bản Huổi Tư, xã Chiềng Phung	Xã Chiềng Phung		x		
-	Nhà văn hóa bản Pịn, xã Chiềng Phung	Xã Chiềng Phung		x		
16	Xã Nậm Mẩn					
-	Đường giao thông từ UBND xã đến bản Chạy Cang, xã Nậm Mẩn	Xã Nậm Mẩn		x		
-	Nhà văn hóa bản Nậm Mẩn, xã Nậm Mẩn	Xã Nậm Mẩn		x		
17	Xã Huổi Một					
-	Nhà văn hoá bản Co Ma, xã Huổi Một	Xã Huổi Một		x		
-	Nhà văn hoá bản Huổi Pản, xã Huổi Một	Xã Huổi Một		x		
18	Xã Chiềng Sơ					
-	Nhà văn hóa bản Thằng Lợi, xã Chiềng Sơ	Xã Chiềng Sơ			x	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com